

Số: 845/2025/CV-PGB

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển**

- Mã chứng khoán: **PGB**

- Địa chỉ: Tầng 4, 5, 6 Tòa nhà Thành Công, Ô đất P-D17, KĐT Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024 62811298

Fax: 024 62811298

- E-mail: vphdqt.pgbank@pgbank.com.vn

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Thúy Nga Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Tài liệu chi tiết được đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/07/2025 tại đường dẫn: <https://www.pgbank.com.vn/nha-dau-tu/cong-bo>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố nêu trên.

NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết 3-6/2025/NQ-ĐHĐCĐ;
- Biên bản 2/2025/BB-ĐHĐCĐ.



CAO THỊ THÚY NGÀ

NGHỊ QUYẾT
V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (“PGBank”/“Ngân hàng”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại PGBank;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank số 02/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/07/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ PGBank, cụ thể như sau:

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ PGBank theo Tờ trình của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng cổ đông;
- Thông qua việc ban hành Điều lệ hợp nhất (đã được sửa đổi, bổ sung) để thay thế cho Điều lệ PGBank 2024, tạo sự thống nhất và thuận tiện trong quá trình áp dụng;
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được toàn quyền quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, bao gồm việc thực hiện các thủ tục đăng ký và báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 07 năm 2025. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN. Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: VT, VP.HDQT.



CAO THỊ THÚY NGÀ

NGHỊ QUYẾT

V/v: Điều chỉnh phương án tăng Vốn Điều lệ
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (“PGBank”/“Ngân hàng”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại PGBank;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank số 02/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/7/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án tăng Vốn Điều lệ PGBank như sau:

1. Thay thế Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2025 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ bằng Phương án tăng Vốn Điều lệ đính kèm Tờ trình của Hội đồng quản trị số 09/2025/TTr-HĐQT ngày 22/7/2025. Vốn Điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng Vốn Điều lệ năm 2025 là 10.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng).
2. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 17 tại Điều lệ PGBank về mức Vốn Điều lệ mới tương ứng sau khi thực hiện hoàn tất việc tăng vốn theo Phương án tăng Vốn Điều lệ năm 2025 theo quy định pháp luật đồng thời có quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép.
3. Thông qua việc đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số cổ phiếu chào bán, phát hành thêm. 

4. Ngoài các nội dung đã giao/ủy quyền cụ thể tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các công việc cụ thể để triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của PGBank, quy định pháp luật và yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, bao gồm các vấn đề sau:
- a) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong Phương án tăng vốn điều lệ (nếu có)) để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định pháp luật, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Xem xét, quyết định thời điểm cụ thể thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ, thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm phân phối cổ phiếu.
 - c) Điều chỉnh đối với kế hoạch sử dụng vốn thu được trên cơ sở hiệu quả, phù hợp với thực tế kinh doanh của PGBank và phù hợp theo quy định pháp luật.
 - d) Quyết định và thực hiện các thủ tục và ký hồ sơ, tài liệu để triển khai, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận Phương án tăng vốn điều lệ của PGBank theo quy định và các nội dung yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền về việc này; (ii) Hồ sơ, thủ tục đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung; (iii) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép, các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc cập nhật mức Vốn điều lệ mới theo thực tế kết quả thực hiện của Phương án tăng vốn điều lệ của PGBank.
 - e) Quyết định việc sửa đổi các nội dung liên quan đến Vốn điều lệ và cổ phần trong Điều lệ của PGBank sau khi hoàn tất việc chào bán, phát hành và thực hiện thủ tục sửa đổi Giấy phép của PGBank. Người ký Điều lệ là Người đại diện theo pháp luật của PGBank.
 - f) Quyết định các phương án xử lý cổ phiếu lẻ khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, xử lý cổ phiếu không chào bán hết khi phát hành cổ phiếu để chào bán cho cổ đông hiện hữu, quyết định việc ghi nhận số lượng cổ phần phát hành thực tế.
 - g) Điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trong trường hợp cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế, chiến lược đầu tư và định hướng phát triển của PGBank và đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, và chỉ thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và theo quy định tại Điều lệ. Khi thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành Hội đồng quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
 - h) Quyết định nội dung khác (nếu có phát sinh) để hoàn tất việc tăng vốn điều lệ.
5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền giao/ủy quyền lại nội dung được giao/ủy quyền nêu trên phù hợp với quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 07 năm 2025. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



CAO THỊ THÚY NGÀ



NGÂN HÀNG TMCP
THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
Số: 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (“PGBank”/“Ngân hàng”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại PGBank;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank số 02/2025/BB-DHDCĐ ngày 22/7/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của PGBank, cụ thể như sau:

1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua việc PGBank thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở trong nước hoạt động trong một/một số các lĩnh vực gồm: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; Bảo hiểm;
2. Thông tin về Công ty mục tiêu dự định góp vốn, mua cổ phần; Hình thức thực hiện và các nội dung triển khai như sau:
 - a) Thông tin về Công ty mục tiêu mà PGBank dự định góp vốn, mua cổ phần (Sau đây gọi tắt là Công ty Mục tiêu): Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty Mục tiêu đảm bảo các điều kiện chính sau:
 - Công ty Mục tiêu là Công ty chứng khoán được cấp phép để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán như bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; hoặc



- Công ty Mục tiêu là Công ty Quản lý quỹ được cấp phép để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh quản lý quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán; hoặc
- Công ty Mục tiêu là Công ty Bảo hiểm được cấp phép để thực hiện kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Các Công ty Mục tiêu đáp ứng mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật và quy định hiện hành của PGBank tại thời điểm góp vốn, mua cổ phần.

b) Hình thức thực hiện: PGBank thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo các quy định pháp luật.

c) Nguồn tiền góp vốn/mua cổ phần: Từ vốn điều lệ và quỹ dự trữ của PGBank trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

d) Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: Toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của Công ty Mục tiêu mà PGBank sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép.

e) Giá mua: HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

f) Giá trị giao dịch, giá trị góp vốn, mua cổ phần dự kiến: Có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc mức khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ PGBank đảm bảo Công ty Mục tiêu trở thành công ty con, công ty liên kết của PGBank.

3. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện các công việc cụ thể để PGBank góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết như các nội dung nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 nêu trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của PGBank, quy định pháp luật và yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:

a) Quyết định, tổ chức thực hiện, tìm kiếm các Công ty Mục tiêu phù hợp hướng tới việc PGBank tham gia đầu tư góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết.

b) Quyết định thời gian thực hiện, xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất.

c) Thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và giao HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn Công ty Mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của PGBank, giá và các điều kiện kèm theo, quyết định thực hiện việc chào mua công khai hoặc cách thức khác phù hợp với quy định pháp luật; quyết định cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của Công ty Mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do PGBank ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá

trình PGBank tham gia góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết;

d) Quyết định/phê duyệt nội dung Đề án của PGBank về việc góp vốn, mua cổ phần (“Đề án”); Quyết định, sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án góp vốn, mua cổ phần, Đề án, vấn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên bán, bên liên quan khác..;

e) Quyết định và thực hiện các thủ tục hồ sơ, tài liệu để triển khai, thực hiện Phương án góp vốn, mua cổ phần bao gồm nhưng không giới hạn hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận phương án góp vốn, mua cổ phần của PGBank theo quy định và các nội dung yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền về việc này;

f) Trong quá trình thực hiện, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống PGBank để thực hiện các công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PGBank.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 07 năm 2025. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



CAO THỊ THÚY NGÀ



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua danh sách bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, đã được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (“PGBank”/“Ngân hàng”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại PGBank;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank số 02/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/7/2025.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh sách bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

1. Danh sách bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị PGBank nhiệm kỳ 2025-2030:

STT	Họ và tên ứng viên	Chức danh
1	Ông Bùi Vương Anh	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

2. Danh sách bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025 – 2030:

STT	Họ và tên ứng viên	Chức danh
1	Bà Chu Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo, thực hiện các thủ tục cần thiết sau khi Đại hội đồng cổ đông hoàn tất việc bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025 – 2030 theo quy định pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 07 năm 2025. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



CAO THỊ THÚY NGÀ



Số: 02/2025/BB-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025



BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025 NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Hôm nay, vào hồi 8h 30 phút, Thứ ba, ngày 22 tháng 07 năm 2025, tại Phòng họp Lotus 1, Khách sạn The Five Residences Hà Nội, số 345 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển đã tổ chức cuộc họp bất thường năm 2025, cụ thể như sau:



A. THÔNG TIN CHUNG

Tên ngân hàng : NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN (PGBank).

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 4, 5, 6 Tòa nhà Thành Công, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Thành phố Hà Nội.

Giấy phép thành lập và hoạt động : Số 42/GP-NHNN ngày 16/6/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Mã số doanh nghiệp : Số 1400116233.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp;
2. Đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Khu vực I;
3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành của PGBank.

C. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP (ĐẠI HỘI)

I. Thông qua kết quả kiểm tra tư cách cổ đông của Tổ kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm khai mạc Đại hội (có Biên bản kèm theo) như sau:

Ông Trịnh Mạnh Hoán – Thành viên Ban kiểm soát – Tổ trưởng Tổ kiểm tra tư cách cổ đông đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

- Tổng số Cổ đông của Ngân hàng có quyền tham dự Đại hội theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 06/06/2025 là: **9.393** Cổ đông đại diện cho tổng số cổ phần sở hữu là **420.000.000** cổ phần, tương đương **100%** tổng số phiếu biểu quyết. ✓

- Tổng số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm này có đủ tư cách là: **23** người, đại diện cho **328.166.139** cổ phần tương đương với **78,135%** tổng số phiếu biểu quyết.

(Danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng đính kèm Biên bản họp này).

Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ PGBank, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank có đủ điều kiện để tiến hành họp.

Bà Cao Thị Thúy Nga - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa: Phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội.

II. Thông qua Đoàn chủ tọa, Tổ kiểm phiếu, chỉ định Tổ thư ký, thông qua Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025, thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

1. Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết và thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa với tỷ lệ **100%** tán thành. Thành phần cụ thể như sau:
 - Bà Cao Thị Thúy Nga - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa;
 - Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên;
 - Ông Nguyễn Văn Hương - Tổng Giám đốc - Thành viên.
2. Đoàn Chủ tọa Đại hội chỉ định Tổ thư ký, thành phần cụ thể như sau:
 - Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Chánh văn phòng HĐQT - Tổ trưởng;
 - Ông Đỗ Duy Tân - Thành viên;
3. Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết và thông qua thành phần Tổ kiểm phiếu với tỷ lệ **100%** tán thành. Thành phần cụ thể như sau:
 - Bà Đinh Thụy Trâm – Thành viên Ban Kiểm soát – Tổ trưởng;
 - Bà Lại Thị Giang - Thành viên;
 - Bà Đỗ Thị Kiều Trang - Thành viên;
 - Bà Nguyễn Huyền Trang - Thành viên;
 - Bà Tạ Quỳnh Hoa - Thành viên;
 - Ông Mai Hoàng Anh - Thành viên;
 - Ông Nguyễn Châu Quang - Thành viên.
4. Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết và thông qua Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank với tỷ lệ **100%** tán thành.
5. Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết và thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank với tỷ lệ **100%** tán thành.

III. Nội dung Đại hội

1. Đoàn Chủ tọa trình bày nội dung các báo cáo và tờ trình trước Đại hội, cụ thể:

- 1.1. Ông Nguyễn Văn Hương trình bày Báo cáo ĐHCĐ vv Phát hành Trái phiếu riêng lẻ 2025, và Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của PGBank. ✓

- 1.2. Ông Trần Ngọc Dũng trình bày Tờ trình Điều chỉnh Phương án tăng Vốn điều lệ của PGBank.
- 1.3. Ông Vương Phúc Chính trình bày Tờ trình thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của PGBank.
- 1.4. Ông Vương Phúc Chính trình bày Tờ trình Bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025-2030.

(Nội dung chi tiết các báo cáo, tờ trình đính kèm Biên bản họp này).

2. Ý kiến phát biểu, thảo luận tại Đại hội

Đại hội đã tiến hành phát biểu, thảo luận và Đoàn Chủ tọa trả lời các câu hỏi của các Cổ đông, cụ thể như sau:

- 2.1. Ông Nguyễn Văn Hương thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu, mời các cổ đông phát biểu, đóng góp ý kiến.
- 2.2. Các Cổ đông có 03 câu hỏi và Đoàn Chủ tọa đã trả lời đầy đủ các câu hỏi, cụ thể như sau:

Câu hỏi 1: Đây là Đại hội đồng cổ đông lần thứ 6 liên tiếp của PGBank mà tôi tham dự, xuyên suốt từ năm 2022 đến nay. Qua mỗi đại hội, tôi đều ghi nhận sự cải thiện, tăng trưởng của PGBank, từ chỗ tổng tài sản chỉ từ 30-40.000 tỷ, hiện nay đã tăng gấp đôi lên gần 80.000 tỷ đồng. Ngân hàng cũng đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi, ra mắt ngân hàng số. Đây là tín hiệu rất tích cực, hy vọng ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên PGBank ngày càng quyết tâm đưa ngân hàng đi lên.

Tại đại hội lần này, tôi thấy đáng chú ý tờ trình mua cổ phần, góp vốn công ty chứng khoán, công ty quỹ hay công ty bảo hiểm. Ban chủ tọa hãy chia sẻ thêm chiến lược mở rộng hệ sinh thái của ngân hàng? Việc bổ sung các lĩnh vực kinh doanh mới này, sẽ đóng góp như thế nào vào khả năng hoạt động của PGBank?

Trả lời: Không chỉ riêng PGBank, mà các Ngân hàng TMCP khác đều muốn hướng tới hệ sinh thái hoàn thiện, hướng tới trải nghiệm đa dạng của khách hàng, hướng tới định hướng khách hàng cao cấp, và quản lý tài sản cá nhân của khách hàng với mục tiêu nâng cao trải nghiệm: chứng khoán, bảo hiểm, tài chính và dịch vụ ngân hàng và mở rộng nguồn thu của ngân hàng từ hoạt động đầu tư.

Việc thông qua chủ trương đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết là bước đi chuẩn bị cho chiến lược phát triển hệ sinh thái tài chính toàn diện mà PGBank đang xây dựng. Chúng tôi sẽ xem xét đầu tư vào các lĩnh vực có sự hỗ trợ như fintech, bảo hiểm, hoặc các công ty có khả năng hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp và bán lẻ của ngân hàng.

Ngân hàng sẽ tính toán cụ thể về hiệu quả tài chính, hiệu quả đầu tư đồng thời ngân hàng sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn của NHNN về năng lực quản trị trước khi tiếp cận các đối tượng Công ty trong Tờ trình đã đề cập để thực hiện đầu tư.

Câu hỏi 2: Trong 6 tháng đầu năm, PGBank ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, với lợi nhuận trước thuế đạt mức 284 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Dù lãi lớn so với cùng kỳ, PGBank còn cách khá xa kế hoạch lãi 1000 tỷ đồng năm 2025. Ban lãnh đạo có kế hoạch gì để giúp ngân hàng bứt tốc trong 6 tháng cuối năm và hoàn thành kế hoạch lãi kỷ lục này? 

Trả lời: Trên cơ sở kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025, nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban điều hành PGBank sẽ tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ như sau:

+ Tiếp tục triển khai kinh doanh hiệu quả: đặc biệt từ thu ngoài lãi (tăng trưởng thu ngoài lãi 06 tháng gấp đôi cùng kỳ),

+ Tăng trưởng về quy mô, nâng cao hiệu quả trên tài sản có sinh lời, tăng NIM, kiểm soát chất lượng tín dụng ngay từ khâu thẩm định phê duyệt khách hàng, giảm thiểu nợ quá hạn.

+ Dự kiến golive Corebanking vào tháng 9, đồng thời thúc đẩy triển khai các chương trình kinh doanh trong thời gian từ nay đến cuối năm.

Ban lãnh đạo PGBank tin tưởng rằng với các giải pháp nêu trên, sẽ hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Câu hỏi 3: về phương án tăng vốn, chào bán 45 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Ban lãnh đạo cho biết, ngân hàng dự kiến bao giờ triển khai? Việc tăng vốn có ý nghĩa như thế nào với PGBank?

Trả lời: PGBank mục tiêu hướng đến tiêu chuẩn Basel III, việc tăng vốn là một trong những yếu tố quan trọng để đáp ứng mức độ đủ vốn theo Basel III, ngoài ra việc tăng vốn giúp ngân hàng nâng cao nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo các hệ số an toàn theo quy định của NHNN, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết.

2.3. Sau khi Đại hội không có thêm ý kiến nào khác, ông Nguyễn Văn thay mặt Đoàn chủ tọa cảm ơn, ghi nhận và tiếp thu ý kiến đóng góp của các cổ đông. Ông Nguyễn Văn Hương phát biểu ý kiến kết thúc phần thảo luận.

3. Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS

3.1. Tại thời điểm 9h35 phút, Ông Trịnh Mạnh Hoán – Thành viên Ban kiểm soát – Tổ trưởng Tổ kiểm tra tư cách cổ đông công bố số lượng cổ đông tham dự Đại hội cụ thể như sau:
Tính đến thời điểm 9 giờ 35 phút, tổng số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông dự họp là 27 người, đại diện cho 328.166.162 cổ phần tương đương với 78,135% tổng số phiếu biểu quyết.

3.2. Tổ trưởng tổ kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội cách thức biểu quyết thông qua các Tờ trình và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội.

3.3. Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

4. Công bố kết quả biểu quyết thông qua các Tờ trình

Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra là 26 Phiếu, tương ứng với 27 Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền Cổ đông dự họp, đại diện cho 328.166.162 cổ phần, chiếm: 100,000% phiếu biểu quyết. 

- Tổng số phiếu biểu quyết thu về là 22 Phiếu, tương ứng với 23 Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền Cổ đông dự họp, đại diện cho 328.166.037 cổ phần, tương đương 100,000% phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không thu về là 4 Phiếu, tương ứng với 4 Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền Cổ đông dự họp, đại diện cho 4 cổ phần, tương đương 0,000% phiếu biểu quyết.
- Phương thức biểu quyết: Bỏ phiếu kín.

Kết quả biểu quyết¹ thông qua nội dung các Tờ trình như sau:

4.1. Kết quả biểu quyết Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của PGBank như sau:

Số phiếu thu về	Số cổ phần tham gia biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu hợp lệ:	328.166.026CP	100,000%
• Số phiếu tán thành:	272.055.107CP	82,902%
• Số phiếu không tán thành:	0CP	0,000%
• Số phiếu không ý kiến:	56.110.919CP	17,098%
Số phiếu không hợp lệ:	11CP	0,000%

4.2. Kết quả biểu quyết Tờ trình Điều chỉnh Phương án tăng Vốn Điều lệ PGBank như sau:

Số phiếu thu về	Số cổ phần tham gia biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu hợp lệ:	328.166.026CP	100,000%
• Số phiếu tán thành:	272.055.107CP	82,902%
• Số phiếu không tán thành:	0CP	0,000%
• Số phiếu không ý kiến:	56.110.919CP	17,098%
Số phiếu không hợp lệ:	11CP	0,000%

4.3. Kết quả biểu quyết Tờ trình thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của PGBank

Số phiếu thu về	Số cổ phần tham gia biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu hợp lệ:	328.166.026CP	100,000%
• Số phiếu tán thành:	273.151.601CP	83,236%

¹ Tỷ lệ tại kết quả biểu quyết thông qua tờ trình được làm tròn theo nguyên tắc lấy đến 03 số thập phân sau dấu phẩy (.).

Số phiếu thu về	Số cổ phần tham gia biểu quyết	Tỷ lệ (%)
• Số phiếu không tán thành:	0CP	0,000%
• Số phiếu không ý kiến:	55.014.425CP	16,764%
Số phiếu không hợp lệ:	11CP	0,000%

Đối chiếu kết quả biểu quyết với quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ của PGBank thì nội dung các tờ trình nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, BKS tại Đại hội

Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử như sau:

- Tổng số phiếu bầu phát ra là 26 phiếu, tương ứng với 27 Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền Cổ đông dự họp, đại diện cho 328.166.162 cổ phần, chiếm 100,000% tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu bầu thu về là 22 phiếu, tương ứng với 23 cổ đông và người đại diện theo ủy quyền cổ đông dự họp, đại diện cho 328.166.037 cổ phần, tương đương 100,000% phiếu biểu quyết:
 - + Số phiếu bầu hợp lệ: 22 phiếu
 - + Số phiếu bầu không hợp lệ: 0 phiếu
- Tổng số phiếu bầu không thu về: 04 phiếu, đại diện cho 125 cổ phần, tương đương 0,000% phiếu biểu quyết.
- **Phương thức bầu:** Bầu dồn phiếu.
- **Kết quả bầu cử² như sau:**

5.1. Nhân sự được bầu bổ sung làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị PGBank nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ được bầu
Ông Bùi Vương Anh	270.838.070 CP	82,531%

5.2. Nhân sự được bầu bổ sung làm thành viên Ban Kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ được bầu
Bà Chu Thị Hường	272.712.032 CP	83,102%

² Tỷ lệ tại kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS được làm tròn theo nguyên tắc lấy đến 03 số thập phân sau dấu phẩy (.).

6. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 6.1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Tổ trưởng Tổ thư ký đọc dự thảo Biên bản họp, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- 6.2. Đoàn Chủ tọa điều hành biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.
- 6.3. Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 với tỷ lệ tán thành đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

7. Bế mạc đại hội

- 7.1. Bà Cao Thị Thúy Nga thay mặt Đoàn chủ tọa tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển.
- 7.2. Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút cùng ngày.
- 7.3. Biên bản này được lập hồi 11 giờ 15 phút ngày 22/07/2025 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển kết thúc chương trình nghị sự và được thông qua toàn văn tại Đại hội.
- 7.4. Biên bản này được lập bằng tiếng Việt, thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau và là cơ sở để ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**TM. TỔ THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TỔ TRƯỞNG**

NGUYỄN THỊ MINH THƯ

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA**



CAO THỊ THÚY NGA

Tài liệu lưu kèm:

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông;
- Các báo cáo, tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025;
- Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN**

Kính thưa Đại hội!

Hôm nay ngày 22/07/2025, tại Phòng họp Lotus 1, Khách sạn The Five Residences Hà Nội, số 345 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, chúng tôi được Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển giao nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025. Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra tư cách Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông về dự Đại hội, kết quả kiểm tra đến thời điểm này như sau:

1. Tổng số Cổ đông của Ngân hàng có quyền tham dự Đại hội theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 06/06/2025 là: 9.393 Cổ đông đại diện cho tổng số cổ phần sở hữu là 420.000.000 cổ phần, tương đương 100,000% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Tổng số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm này có đủ tư cách là: 23 người, đại diện cho 328.166.139 cổ phần tương đương với 78,135% tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Và các văn bản sửa đổi, bổ sung), Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (và văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành), Điều lệ Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển: *Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.* Như vậy, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển đã đủ điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có mặt tại cuộc họp có quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/số cổ phần được đại diện.

Biên bản này được lập lúc 08 giờ 20 phút ngày 22/07/2025.

Tổ Kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo với Đại hội./.

TM. TỔ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

TỔ TRƯỞNG

TRỊNH MẠNH HOÁN

DANH SÁCH CỎ

Ma

tham

đư

Số CP

hữu

STT	Mã tham dự	Số CP sở hữu	STT Trực tiếp	Số CP được ủy quyền	Chi tiết ủy quyền		Tổng	Ghi chú
					STT UQ	Số lượng		
1	1	165	1	0			165	Trực tiếp
2	2	19.477.769	2	0			19.477.769	Trực tiếp
3	3	0		142	1	142	142	Ủy quyền
4	4	20.414.198	3	0			20.414.198	Trực tiếp
5	5	14	4	0			14	Trực tiếp
6	6	20.124.609	5	0			20.124.609	Trực tiếp
7	7	14.228.480	6	0			14.228.480	Trực tiếp
8	8	20.062.980	7	0			20.062.980	Trực tiếp
9	9	20.724.053	8	0			20.724.053	Trực tiếp
10	10	20.387.404	9	0			20.387.404	Trực tiếp
11	11	0		56.110.919	2	56.110.919	56.110.919	Ủy quyền
12	12	0		55.014.425	3	55.014.425	55.014.425	Ủy quyền
13	13	0		56.873.535	4	56.873.535	56.873.535	Ủy quyền
14	14	4.306.932	10	0			4.306.932	Trực tiếp
15	15	0		300	5	300	300	Ủy quyền
16	16	20.440.000	11	0			20.440.000	Trực tiếp
17	17	1	12	0			1	Trực tiếp
18	18	100	13	0			100	Trực tiếp
19	19	2	14	0			2	Trực tiếp
20	20	0		1	6	1	1	Ủy quyền
21	21	10	15	0			10	Trực tiếp
22	22	100	16	0			100	Trực tiếp

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

Hà Nội, ngày 22/07/2025

Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Chương trình
8:00	8:30	Đón khách, kiểm tra tư cách cổ đông
8:30	8:35	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8:35	8:45	MC tuyên bố khai mạc chương trình Giới thiệu khách mời tham dự
8:45	8:55	Chủ tịch HĐQT phát biểu khai mạc Đại hội
8:55	9:10	Thông qua Đoàn chủ tọa, chỉ định Tổ thư ký, thông qua Tổ kiểm phiếu
9:10	9:20	Thông qua Quy chế, Chương trình ĐHĐCĐ
9:20	9:25	Báo cáo ĐHĐCĐ vv phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025
9:25	9:50	Trình bày các tờ trình: 1. Thông qua sửa đổi Điều lệ PGBank 2. Thông qua điều chỉnh Phương án tăng vốn Điều lệ năm 2025 3. Thông qua việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của PGBank; 4. Thông qua bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030;
9:50	10:05	Đại hội thảo luận và hỏi đáp
10:05	10:15	Hướng dẫn biểu quyết và bầu cử
10:15	10:30	Tiến hành biểu quyết và bầu cử
10:30	10:45	Phát biểu của PGĐ NHNN khu vực 1
10:45	10:55	Phát biểu đáp từ, tiếp thu ý kiến chỉ đạo NHNN KV1
10:55	11:15	Nghỉ giải lao Kiểm phiếu trong thời gian giải lao
11:15	11:25	Công bố kết quả kiểm phiếu
11:25	11:45	Tổ thư ký trình bày dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ
11:45	11:55	Tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ
11:55	12:10	Chủ tọa phát biểu kết luận đại hội
12:10	12:20	Tặng hoa, chụp ảnh, kết thúc Đại hội

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CỦA NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 (sau đây gọi là “Đại hội”) của Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển (sau đây gọi là “PGBank”).
- 1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội, người tham dự Đại hội, điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội.
- 1.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, người tham dự Đại hội của PGBank có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

- 2.1. Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi là “Luật Doanh nghiệp năm 2020”).
- 2.2. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- 2.3. Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- 2.4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 2.5. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 2.6. Điều lệ PGBank được Đại hội đồng cổ đông của PGBank thông qua theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024 (sau đây gọi là “Điều lệ”).

Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

- 3.1. Công khai, công bằng, dân chủ.
- 3.2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và của PGBank.
- 3.3. Phù hợp với các quy định pháp luật, các quy định của PGBank và Quy chế này.

Điều 4. Trật tự của Đại hội

- 4.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi vào phòng tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức.
- 4.2. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội, không nói chuyện riêng; Không sử dụng các thiết bị ghi âm, ghi hình; Điện thoại di động phải để chế độ im lặng và giữ trật tự trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 5. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

- 5.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu với Tổ Thư ký, Tổ Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Đoàn Chủ tọa.
- 5.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tập trung phát biểu vào những nội dung trọng tâm phù hợp với chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua trên tinh thần góp ý xây dựng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

6.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội tại ngày đăng ký cuối cùng có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội. Việc ủy quyền của cổ đông phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp có hơn một đại diện được ủy quyền tham dự theo quy định của pháp luật được quyền tham dự, thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả Người đại diện theo ủy quyền.

6.2. Quyền của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a) Được nhận 01 Phiếu biểu quyết, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu bầu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT), 01 Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS) và tài liệu họp, các tài liệu khác (nếu có) sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Tổ kiểm tra tư cách cổ đông và được hướng dẫn bỏ phiếu theo quy định của PGBank.
- b) Được tham dự và phát biểu trực tiếp tại Đại hội theo sự điều hành của Đoàn Chủ tọa và/hoặc gửi ý kiến về Ban tổ chức Đại hội (nếu có).
- c) Trường hợp đến dự họp sau khi Đại hội đã khai mạc vẫn được quyền đăng ký tham dự và có quyền tham gia biểu quyết đối với các nội dung chưa được tiến hành biểu quyết ngay sau khi đăng ký nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng Đại hội. Trong trường hợp này, hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.
- d) Được thảo luận và tiến hành biểu quyết tất cả các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

6.3. Nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp phải thực hiện thủ tục Đăng ký tham dự Đại hội theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và phải xuất trình các giấy tờ sau:
 - i. Đối với cổ đông là cá nhân:
 - Trường hợp cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội, cổ đông phải mang xuất trình:
 - Bản gốc CMND/Thẻ Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của cổ đông.
 - Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải xuất trình:

- Bản gốc CMND/Thẻ Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo ủy quyền; và
- Bản gốc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội hợp lệ.

ii. Đối với cổ đông là tổ chức:

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật/người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội phải xuất trình:
 - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Quyết định thành lập; và
 - Bản gốc CMND/Thẻ Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật/người đại diện quản lý phần vốn góp còn thời hạn sử dụng; và
 - Bản sao Văn bản cử người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông (trong trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông tham dự Đại hội).
 - Trường hợp người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền (người đại diện quản lý phần vốn góp) của cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền này phải xuất trình:
 - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động/Quyết định thành lập; và
 - Bản gốc CMND/Thẻ Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu của người được ủy quyền tham dự đại hội còn thời hạn sử dụng; và
 - Bản sao Văn bản cử người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông (trong trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội); và
 - Bản gốc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội hợp lệ.
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu theo quy định của pháp luật và quy định của PGBank ban hành trong từng thời kỳ; không sao chép, cung cấp thông tin cho những người không tham dự Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.
- c) Tuân thủ quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ và Quy chế này.
- d) Tuân thủ sự điều hành của Đoàn Chủ tọa Đại hội, Ban tổ chức Đại hội.
- e) Không được có các hành động cản trở, gây rối hoặc gây mất trật tự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Tổ kiểm tra tư cách cổ đông

Tổ kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị PGBank quyết định trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- 7.1. Kiểm tra việc xuất trình giấy tờ xác minh tư cách cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội theo quy định tại Điểm a Khoản 6.3 Điều 6 Quy chế này.
- 7.2. Kiểm tra tỷ lệ cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
- 7.3. Phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS, tài liệu họp và tài liệu khác (nếu có) cho các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền

của cổ đông tham dự Đại hội.

7.4. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Tổ kiểm phiếu

Tổ kiểm phiếu do Đại hội bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Tổ kiểm phiếu có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- 8.1. Hướng dẫn cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS.
- 8.2. Kiểm đếm Thẻ biểu quyết, thu Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS sau khi kết thúc biểu quyết, kết thúc bầu theo chương trình Đại hội và tiến hành kiểm phiếu.
- 8.3. Lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 8.4. Báo cáo Đoàn chủ tọa những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc có đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu để Đoàn chủ tọa xem xét, quyết định.
- 8.5. Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa, Đoàn Chủ tọa

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đề cử các thành viên vào Đoàn chủ tọa. Đoàn chủ tọa do Đại hội biểu quyết thông qua và có chức năng điều hành Đại hội. Chủ tọa, Đoàn chủ tọa có các quyền và trách nhiệm sau:

- 9.1. Tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành Đại hội một cách có trật tự, theo đúng chương trình nghị sự, Quy chế đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 9.2. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
- 9.3. Đề xuất Đại hội thay đổi chương trình họp; Được quyền hoãn/tạm dừng Đại hội; Thay đổi địa điểm họp phù hợp với quy định tại Điều lệ PGBank và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 9.4. Quyết định các biện pháp an ninh cần thiết để duy trì trật tự, an ninh, đảm bảo an toàn Đại hội và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ PGBank và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Tổ thư ký

Tổ thư ký, Tổ trưởng Tổ thư ký do Chủ tọa cử, có các quyền và trách nhiệm sau:

- 10.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến chương trình Đại hội và tất cả các vấn đề đã được cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết tại Đại hội.
- 10.2. Ghi chép Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- 10.3. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về những vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- 10.4. Tiếp nhận ý kiến của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông gửi Đoàn chủ tọa, tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội.
- 10.5. Tổ trưởng Tổ thư ký đại diện Tổ thư ký ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- 10.6. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn chủ tọa.

Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội

- 11.1. Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 11.2. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 được tổ chức lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 11.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 11.3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 11.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp.

Điều 12. Cách thức tiến hành Đại hội

- 12.1. *Biểu quyết bằng cách gior Thẻ biểu quyết*: Phương thức này được dùng để thông qua các nội dung gồm: Danh sách thành viên Đoàn chủ tọa; Tổ kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế Đại hội; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nội dung khác theo Chương trình họp mà không thuộc nội dung biểu quyết được ghi tại Phiếu biểu quyết (nếu có).
- 12.2. *Biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu biểu quyết*: Phương thức này được dùng để thông qua các Tờ trình tại Đại hội đã được xác định và ghi rõ trong Phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự.
- 12.3. *Biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS*: Phương thức này được dùng để thông qua việc bầu cử thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS theo danh sách ứng viên đã được xác định và ghi rõ trong Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS gửi cho mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự.
- 12.4. Nguyên tắc, cách thức biểu quyết bằng thẻ biểu quyết, bỏ phiếu, cách thức bầu được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Thông qua Quyết định của Đại hội

- 13.1. Trừ các trường hợp tại Khoản 13.2 và Khoản 13.3 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 13.2. Đối với quyết định về nội dung: Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; Các nội dung tại Điểm q, điểm s Khoản 1 Điều 33 Điều lệ PGBank thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 13.3. Đối với việc bầu thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS: Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng Thành viên độc lập HĐQT, BKS cần bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì Đại hội

sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

Điều 14. Biên bản họp

Tất cả những vấn đề, nội dung tại Đại hội phải được Tổ thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để ban hành (các) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được lưu giữ tại PGBank.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

- 15.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.
- 15.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CHỦ TỌA

CHỦ TỊCH HĐQT

Cao Thị Thúy Nga

162

HÀI
HỘI
VƯỜ
TF

PHỤ LỤC I

THẺ LỆ BẦU CỬ, BIỂU QUYẾT

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank)

I. Phạm vi áp dụng:

Phụ lục này được sử dụng cho việc biểu quyết thông qua các Tờ trình, các nội dung xin ý kiến và sử dụng cho việc bầu cử thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của PGBank.

II. Phương thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết

1. Phương thức này được dùng để thông qua các nội dung gồm: Danh sách thành viên Đoàn chủ tọa; Tổ kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế Đại hội; Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Các nội dung khác theo Chương trình họp mà không thuộc nội dung biểu quyết được ghi tại Phiếu biểu quyết (nếu có). Các nội dung này được biểu quyết theo phương thức giơ Thẻ biểu quyết trực tiếp tại Đại hội và được thông qua theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.
2. Việc biểu quyết tại Đại hội do Chủ tọa điều hành theo diễn biến Chương trình họp đã được Đại hội thông qua.
3. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tán thành giơ Thẻ biểu quyết trước, sau đó đến lượt người không tán thành, cuối cùng là người không có ý kiến giơ Thẻ biểu quyết theo đề nghị của Chủ tọa.
4. Trường hợp cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề được xin ý kiến hoặc giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một lần trong tổng số ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề được xin ý kiến thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.
5. Tổ kiểm phiếu sẽ trực tiếp kiểm đếm kết quả biểu quyết tại thời điểm cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết và Chủ tọa công bố ngay kết quả biểu quyết trước Đại hội đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội.

III. Phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết

1. Phương thức này được dùng để thông qua các Tờ trình tại Đại hội.
2. Cách thức biểu quyết
 - 2.1. Việc biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.
 - 2.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lựa chọn một trong ba phương án: “Tán thành”/ “Không tán thành”/ “Không có ý kiến” bằng cách đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô tương ứng. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên của mình vào Phiếu biểu quyết trước khi gửi Phiếu biểu quyết về cho Tổ Kiểm phiếu. Trường hợp muốn sửa đổi phương án đã chọn thì phải khoanh tròn ô đã chọn đồng thời chọn lại phương án. Nếu muốn chọn lại phương án đã khoanh tròn thì bôi đen phương án đó, ký tên ngay bên cạnh những phương án đã chỉnh sửa.
 - 2.3. Sau khi Đoàn Chủ tọa trình bày xong tất cả các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội theo Chương

trình hợp đã được thông qua, Đại hội tiến hành biểu quyết, sau đó gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Tổ Kiểm phiếu.

3. Phiếu biểu quyết/nội dung biểu quyết

3.1. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn, do Ban tổ chức phát hành. Trên phiếu có ghi rõ tên cổ đông, tên người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được ủy quyền đại diện, số phiếu biểu quyết tương ứng, được phát cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký kiểm tra tư cách cổ đông và đáp ứng đủ điều kiện tham dự Đại hội, được sử dụng để biểu quyết tại Đại hội.

3.2. Những phiếu sau được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không phải Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức phát ra.
- Phiếu bị rách rời, có tẩy xóa, sửa chữa các nội dung đã in sẵn trên phiếu không đúng theo quy định tại Điểm 2.2 Khoản 2 Mục III nêu trên, phiếu có viết thêm nội dung, ký tự.
- Phiếu biểu quyết lựa chọn quá 1 trong 3 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” hoặc Phiếu biểu quyết không đánh dấu (X) hoặc (✓) vào bất kỳ phương án nào trong ba phương án: “Tán thành”/ “Không tán thành”/ “Không có ý kiến”.
- Phiếu không có chữ ký và/hoặc không ghi rõ họ tên của người ký.
- Một nội dung biểu quyết được coi là không hợp lệ sẽ không ảnh hưởng tới hiệu lực của các nội dung biểu quyết khác được biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết nộp cho Tổ Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu kín đã được niêm phong.

4. Kiểm phiếu

- Việc kiểm phiếu phải được Tổ kiểm phiếu tiến hành tại phòng kiểm phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Tổ kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa bất kỳ thông tin, nội dung nào trên Phiếu biểu quyết.
- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ không được tính vào kết quả kiểm phiếu.

5. Công bố kết quả kiểm phiếu

- 5.1. Tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu, Tổ trưởng đọc báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- 5.2. Biên bản kiểm phiếu phải được giao cho Tổ thư ký và lưu giữ cùng các văn kiện của Đại hội theo quy định của PGBank.

IV. Phương thức bầu thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS bằng Phiếu bầu

1. Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, Phiếu bầu thành viên BKS là phiếu in sẵn, do Ban tổ chức Đại hội phát ra cho mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
2. Trên Phiếu bầu có ghi rõ tên cổ đông, tên người đại diện được ủy quyền của cổ đông, số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được ủy quyền đại diện, tổng số phiếu bầu tương ứng, được phát cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký dự họp và đáp ứng đủ điều kiện tham

dự Đại hội, được sử dụng để bầu cử thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 tại Đại hội.

Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính bằng: Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu hoặc nhận ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS cần bầu.

3. Việc bầu thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo phương thức dồn phiếu (theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm d Khoản 6 Điều 40 Điều lệ PGBank). Cổ đông bầu ứng viên nào thì điền cụ thể số phiếu bầu cho ứng viên đó và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu cho một ứng viên hoặc chia một phần phiếu bầu của mình cho ứng viên đó.
4. Phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:
 - Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát ra.
 - Phiếu không có chữ ký và/hoặc không ghi rõ họ tên của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông được ghi trên Phiếu bầu.
 - Phiếu bị tẩy xóa, sửa chữa các nội dung đã in sẵn trên phiếu, phiếu có viết thêm nội dung, ký tự gây sai lệch thông tin hoặc có ghi thêm tên/thông tin ứng cử viên không có trong danh sách ứng cử viên, bị rách nát, hư hỏng.
 - Phiếu nộp cho Tổ Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu kín đã được niêm phong.
5. Nguyên tắc trúng cử
Nguyên tắc trúng cử theo quy định tại quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 Quy chế này.

13.3

Số: 02 /2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM
2025 CỦA NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG,

Hội Đồng Quản trị PGBank kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trong 06 tháng đầu năm 2025 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) như sau:

I. Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ của PGBank

1. Mục đích phát hành: Sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu với mục đích cho vay Khách hàng cá nhân và Khách hàng doanh nghiệp của PGBank.

2. Phương án phát hành trái phiếu:

Tên gọi trái phiếu	Trái phiếu riêng lẻ PGBank năm 2025
Loại hình trái phiếu:	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
Đồng tiền phát hành và thanh toán:	VNĐ (đồng Việt Nam)
Mệnh giá trái phiếu:	1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)/Trái phiếu
Giá phát hành:	100% Mệnh giá trái phiếu
Hình thức trái phiếu:	Bút toán ghi sổ
Nguyên tắc thực hiện đợt chào bán	Phát hành riêng lẻ trong nhiều đợt phát hành
Tổng khối lượng phát hành theo mệnh giá:	Tối đa 1.500.000.000.000 VNĐ (Một nghìn năm trăm tỷ đồng). Khối lượng phát hành thực tế sẽ tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn của PGBank và khả năng huy động trên thị trường.
Dự kiến khối lượng, thời điểm phát hành	Tổng giá trị phát hành tối đa 1.500.000.000.000 VNĐ (Một nghìn năm trăm tỷ đồng), dự kiến phát hành tối đa 3 đợt trong Quý II, Quý III và Quý IV năm 2025. Khối lượng phát hành mỗi đợt dự kiến



	không vượt quá 1.500.000.000.000 VND (Một nghìn năm trăm tỷ đồng). Số lượng đợt chào bán và khối lượng trái phiếu chào bán của từng đợt, thời điểm cụ thể chào bán mỗi đợt do Tổng Giám đốc/Người được Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành ủy quyền quyết định dựa vào điều kiện thị trường, tình hình giải ngân tín dụng của Tổ Chức Phát Hành và được quy định cụ thể tại Bản Công bố thông tin của mỗi đợt phát hành.
Thời gian phát hành:	Trong năm 2025
Kỳ hạn trái phiếu:	Tối đa 03 năm
Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:	Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Giao cho Tổng Giám đốc/Người được Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành ủy quyền quyết định phương thức xác định và mức lãi suất trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu, phù hợp với quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

II. Kết quả phát hành tính đến trước thời điểm báo cáo

- Ngày 09/04/2025, Hội đồng Quản trị PGBank đã phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển theo Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐQT.
- Ngày 15/04/2025, PGBank đã phát hành thành công Đợt 01 - 700 tỷ đồng trái phiếu cho nhà đầu tư là tổ chức đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật. Cụ thể một số thông tin như sau:

Mã trái phiếu	PGB12501
Tổng khối lượng phát hành theo mệnh giá:	700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ đồng)
Kỳ hạn trái phiếu:	02 năm (Hai năm)
Ngày phát hành:	15/4/2025
Ngày đáo hạn:	15/4/2027
Nhà đầu tư mua trái phiếu	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:	Cố định 5,8%/năm (Năm phẩy tám phần trăm một năm)

Số: 08/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển,

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung cùng các văn bản hướng dẫn thi hành ("Luật Các TCTD");
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành ("Luật Doanh nghiệp");
- Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước ("Nghị định số 135/2025/NĐ-CP");
- Căn cứ Quyết định số 2523/QĐ-NHNN ngày 27/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển ("Quyết định chấp thuận thay đổi vốn điều lệ");
- Căn cứ Quyết định số 1314/QĐ-QLGS5 ngày 16/6/2025 của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển ("Quyết định của NHNN về chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính");
- Căn cứ tình hình thực tế của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hiện hành của PGBank tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025, cụ thể như sau:

I. Lý do đề xuất

Điều lệ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển ("PGBank") năm 2024 là cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức và hoạt động của PGBank trong thời gian vừa qua. Điều lệ PGBank 2024 về cơ bản đã được xây dựng bám sát các quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn hoạt động, Ban Pháp chế đã rà soát toàn bộ nội dung Điều lệ 2024, bổ sung nội dung đã được NHNN thông qua về thay đổi Vốn Điều lệ, thay đổi Trụ sở và một số nội dung thay đổi của Pháp luật có liên quan.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, để bảo đảm việc tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn hoạt động, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ PGBank.

II. Nội dung đề xuất

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ PGBank được thực hiện như sau:



- a. Về hình thức, kết cấu của Điều lệ: Vẫn giữ nguyên như Điều lệ hiện hành (các nội dung của Điều lệ được sắp xếp thành các Chương, Mục, Điều, Khoản, Điểm).
- b. Về nội dung: Điều lệ giữ nguyên những nội dung đang phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Ngân hàng, chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định mới của pháp luật, thực tế hoạt động và cập nhật địa chỉ trụ sở mới của PGBank theo Quyết định của NHNN về chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, Quyết định chấp thuận thay đổi vốn điều lệ.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được nêu cụ thể tại **Bảng thuyết minh nội dung cơ bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ** trình kèm theo Tờ trình này.

- c. Cách thức thể hiện: Để thuận tiện trong việc theo dõi và áp dụng, Điều lệ sẽ được sửa đổi theo hướng hợp nhất những nội dung được sửa đổi, bổ sung và những nội dung không bị sửa đổi để thay thế cho Điều lệ năm 2024 của PGBank.

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết tại Bảng thuyết minh nội dung cơ bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ trình kèm theo Tờ trình của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng cổ đông;
- b. Thông qua việc ban hành Điều lệ hợp nhất (đã được sửa đổi, bổ sung) để thay thế cho Điều lệ 2024, tạo sự thống nhất và thuận tiện trong quá trình áp dụng;
- c. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị được toàn quyền quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, bao gồm việc thực hiện các thủ tục đăng ký và thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT, BPC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cao Thị Thúy Nga

BẢNG THUYẾT MINH NỘI DUNG CƠ BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình số 08/2025/TTr-HDQT ngày 22/7/2025 của Hội đồng Quản trị)

Ghi chú:

- Phần chữ được in nghiêng tại cột “Nội dung Điều lệ hiện hành”: Là nội dung được sửa đổi, thay thế, xóa bỏ;
- Phần chữ in nghiêng, gạch chân tại cột “Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung”: Là nội dung bổ sung, sửa đổi, thay thế.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	Điều 1. Định nghĩa m: “Cổ tức” là khoản <i>lợi nhuận ròng</i> được trả cho mỗi cổ phần <i>bằng tiền mặt</i> hoặc bằng tài sản khác.	Điều 1. Định nghĩa m: “Cổ tức” là khoản <i>lợi nhuận sau thuế</i> được trả cho mỗi cổ phần <i>bằng tiền</i> hoặc bằng tài sản khác.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025.
2	Điều 2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết và thời hạn hoạt động của Ngân hàng 3. Trụ sở chính đặt tại: <i>Tầng 16, tầng 23 và tầng 24 Tòa nhà MIPEC, số 229 phố Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.</i> Điện thoại: (024) 62811298 Fax: (024) 62811299	Điều 2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết và thời hạn hoạt động của Ngân hàng 3. Trụ sở chính đặt tại: <i>Tầng 4, tầng 5, tầng 6 Tòa nhà Thành Công, Ô đất P-D17 Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.</i> Điện thoại: (024) 62811298 Fax: (024) 62811299 Website: www.pgbank.com.vn	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 1314/QĐ-QLGS5 ngày 16/6/2025 của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát Tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập & hoạt động của PGBank và thay đổi theo địa giới hành chính

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	Website: www.pgbank.com.vn		kể từ ngày 01/7/2025. Thông tin về địa chỉ trụ sở theo địa giới hành chính mới sẽ có hiệu lực theo ngày Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh Vượng và Phát triển.
3	Điều 17. Vốn Điều lệ 1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Ngân hàng là 4.200.000.000.000 đồng (Bốn nghìn hai trăm tỷ Việt Nam đồng) được chia thành 420.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật và của NHNN về thay đổi mức vốn điều lệ.	Điều 17. Vốn Điều lệ 1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Ngân hàng là 5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ Việt Nam đồng) được chia thành 500.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật và của NHNN về thay đổi mức vốn điều lệ.	Thay đổi vốn Điều lệ đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 2523/QĐ-NHNN ngày 27/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển.
4	2. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán. Khi có sự thay	2. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần, cộng lợi nhuận lũy kế chưa	Nội dung “Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, Ngân hàng phải công bố công khai số vốn điều lệ mới” được quy định trên cơ sở Khoản 3 Điều 5 Nghị định 93/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên theo Nghị định 135/2025/NĐ-CP thay

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	đổi vốn điều lệ, Ngân hàng phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.	phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.	thể nghị định 93/2017/NĐ-CP đã bỏ các nội dung này.
5	Điều 34. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	Điều 34. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	- Hiện tại hầu hết các Ngân hàng thương mại đều quy định nội dung họp Đại Hội cổ đông tại Điều lệ theo Khoản 2 Điều 139 Luật DN 2020: “<i>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>”. - Về thực tế áp dụng: Hiện tại theo chỉ đạo của NHNN, tất cả các TCTD đều thực hiện họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tuân thủ quy định Khoản 1 Điều 67 Luật Các TCTD 2024: “<i>Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>”.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
			=> Do vậy việc sửa đổi nội dung hợp Đại hội đồng cổ đông theo hướng lược bỏ: “<i>Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>” là phù hợp với thực tế áp dụng và tuân thủ theo quy định của Luật các TCTD.
6	Điều 35. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng phải công bố thông tin về có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày cuối cùng.	Điều 35. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông, số đăng ký người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Sửa đổi để phù hợp quy định tại Khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025 (sửa đổi Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2020) và để phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019, đã được sửa đổi bổ sung về đăng ký chứng khoán.
7	Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm		

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	đ. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại khoản này;	đ. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại khoản này;	Sửa đổi diễn đạt ngắn gọn câu từ và không làm thay đổi ý nghĩa điều khoản.
8	Điều 51. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Ngân hàng Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		Bổ sung theo Khoản 11 Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng
9	Điều 52. Cung cấp, công bố công khai thông tin của Ban Kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng	Điều 52. Cung cấp, công bố công khai thông tin	Sửa đổi tên Điều 52 theo hướng lược bỏ cụm từ “của Ban Kiểm soát, Người quản lý, người điều hành của ngân hàng” nhằm phù hợp với tên gọi và nội dung của Điều 49 Luật Các TCTD và đề khớp với nội dung của Điều 52 Điều lệ. Tại Điều 52 Điều lệ đang quy định về cung cấp, công bố thông tin của TV HĐQT, BKS, TGD, PTGD hoặc chức danh tương đương, không quy định về cung cấp thông tin của Người điều hành nói chung, trong khi đó khái niệm người điều hành rộng hơn bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
10	Điều 59. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị <i>Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được nêu tại Điểm r Khoản 1 Điều 33, Khoản 9 Điều 55 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể đối với hợp đồng, giao dịch đó.</i>		trưởng, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị quyết định.
11	Điều 67. Thành phần và nhiệm kỳ 7. Việc thay thế Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.	Không quy định	Nội dung này được quy định từ Điều lệ mẫu cũ (Điểm d Khoản 9 Điều 27 Điều lệ mẫu cũ ban hành kèm theo TT121/2022/TT-BTC), nay đã được thay bằng Điều lệ mẫu mới (ban hành kèm theo TT 160/2020/TT-BTC) và Điều lệ mẫu mới đã lược bỏ nội dung này.
12	Điều 84. Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng 2. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, <i>đảm bảo tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không</i>	7. Việc thay thế Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo <u>Điều lệ này</u>, quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của PGBank ban hành trong từng thời kỳ. 2. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, <u>đảm bảo tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không</u>	Bổ sung nhằm liên kết với các điều khoản khác theo Điều lệ. Sửa đổi theo Điểm a, Khoản 3 Luật Các TCCTD 2024.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	<i>bảo giá trị còn lại của tài sản có định theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.</i>	<i>được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của Ngân hàng.</i>	
13	Điều 85. Các quỹ 1. Hàng năm, Ngân hàng thực hiện trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau: a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng. b. <i>Quỹ dự phòng tài chính.</i> c. Quỹ khác theo quy định của pháp luật. 2. Ngân hàng quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.	Điều 85. Các quỹ 1. Hàng năm, Ngân hàng thực hiện trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau: a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng. b. <i>Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.</i> c. Quỹ khác theo quy định của pháp luật. 2. Ngân hàng quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, <i>quy chế nội bộ của Ngân hàng.</i>	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 26, Điểm b Khoản 4, Điểm d Khoản 5 và Khoản 7 Điều 27 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.
14	Điều 86. Năm tài chính, hạch toán, kế toán 1. Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện	1. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm Dương lịch.	Thay đổi thứ tự Khoản 1,2 để phù hợp với tên của Điều.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
	các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán. 2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch .	2. Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.	Bổ sung từ “cùng” tại Khoản 1 để hiểu đúng bản chất điều khoản.
15	Điều 92. Kiểm toán độc lập 3. <i>Một bản sao của Báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.</i>	3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.	Sửa lại cách diễn đạt theo đúng quy định tại Điều lệ mẫu.
16	Điều 94. Áp dụng kiểm soát đặc biệt, trách nhiệm của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt, các trường hợp được vay đặc biệt 2. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải báo cáo việc sử dụng cổ phần, phần vốn góp; không được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; không được sử dụng cổ phần, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp được phê duyệt theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	2. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải báo cáo việc sử dụng cổ phần, phần vốn góp; không được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; không được sử dụng cổ phần, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Sửa đổi để phù hợp với loại hình công ty cổ phần.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
17	Các điều khoản có footnote dẫn chiếu sang Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước	Các điều khoản có footnote dẫn chiếu sang Nghị định 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, <u>đồng thời dẫn chiếu sang Nghị định số 135/2025/NĐ-CP (áp dụng từ ngày 01/08/2025).</u>	Để đảm bảo khi Nghị định số 135/2025/NĐ-CP có hiệu lực không phải sửa đổi lại dẫn chiếu tại Điều lệ thì tại lần sửa đổi này cần ghi nhận bổ sung việc dẫn chiếu sang Nghị định số 135/2025/NĐ-CP và ghi chú rõ là áp dụng từ 01/08/2025.

Số: 09/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Điều chỉnh Phương án tăng vốn Điều lệ của PGBank)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển ("PGBank"/"Ngân hàng");
- Căn cứ tình hình thực tế,

1. Lý do

Ngày 24/04/2025, Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ PGBank theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ. Theo đó, Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 5.000.000.000.000 đồng, trong đó: (i) Tăng vốn điều lệ thêm 500.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức; và (ii) Tăng vốn điều lệ thêm 4.500.000.000.000 đồng thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Theo lộ trình Phương án tăng Vốn điều lệ PGBank tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT, PGBank thực hiện việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sau khi hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Việc thực hiện các bước nêu trên sẽ không đảm bảo thời hạn hoàn thành việc tăng vốn theo nhu cầu thực tế của PGBank. Vì vậy, việc sửa đổi lộ trình thực hiện các phương án tăng vốn theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ là cần thiết để đảm bảo tiến độ triển khai và sự thuận tiện trong quá trình thực hiện.

2. Đề xuất

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- 1.1. Thay thế Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ bằng Phương Án Tăng Vốn Điều Lệ đính kèm Tờ trình này ("Phương Án Tăng Vốn 2025").
- 1.2. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ PGBank về mức Vốn Điều lệ mới tương ứng sau khi thực hiện hoàn tất việc tăng vốn theo Phương Án Tăng Vốn 2025 theo quy định pháp luật đồng thời PGBank có quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép.
- 1.3. Thông qua việc đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số cổ phiếu chào bán, phát hành thêm.
- 1.4. Ngoài các nội dung đã giao/ủy quyền cụ thể tại Phương Án Tăng Vốn 2025, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT chủ động thực hiện các công việc cụ thể để triển khai Phương Án Tăng Vốn 2025 phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của PGBank,



quy định pháp luật và yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, bao gồm các vấn đề sau:

- a) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ vấn đề, nội dung của Phương Án Tăng Vốn 2025 (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong Phương án tăng vốn điều lệ (nếu có)) để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định pháp luật, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Xem xét, quyết định thời điểm cụ thể thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ, trình tự thực hiện của các đợt chào bán, phát hành, thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm phân phối cổ phiếu.
 - c) Quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, kể cả thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trên cơ sở hiệu quả, phù hợp với thực tế kinh doanh của PGBank và phù hợp theo quy định pháp luật.
 - d) Quyết định và thực hiện các thủ tục và ký hồ sơ, tài liệu để triển khai, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận Phương án tăng vốn điều lệ của PGBank theo quy định và các nội dung yêu cầu/ hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền về việc này; (ii) Hồ sơ, thủ tục đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung; (iii) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép, các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc cập nhật mức Vốn điều lệ mới theo thực tế kết quả thực hiện của Phương án tăng vốn điều lệ của PGBank.
 - e) Quyết định việc sửa đổi các nội dung liên quan đến Vốn điều lệ và cổ phần trong Điều lệ của PGBank sau khi hoàn tất việc chào bán, phát hành và thực hiện thủ tục sửa đổi Giấy phép của PGBank. Người ký Điều lệ là Người đại diện theo pháp luật của PGBank.
 - f) Quyết định phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi phát hành cổ phiếu để chào bán cho cổ đông hiện hữu, quyết định việc ghi nhận số lượng cổ phần phát hành thực tế.
 - g) Điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi kết thúc đợt chào bán trong trường hợp cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế, chiến lược đầu tư và định hướng phát triển của PGBank và đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và chỉ thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành. Khi thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
 - h) Quyết định tất cả các nội dung khác (nếu có phát sinh) để hoàn tất việc tăng vốn điều lệ.
- 1.5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền giao/ủy quyền lại nội dung được giao/ủy quyền nêu trên phù hợp với quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT

Cao Thị Thùy Nga

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ PGBANK

(Đình kèm Tờ trình số 09/2025/TTr-HĐQT ngày 22/7/2025 của HĐQT Ngân hàng TMCP
Thịnh vượng và Phát triển)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành: **Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển**
- Tên tiếng Anh: Prosperity and Growth Commercial Joint Stock Bank
- Tên viết tắt: PGBank
- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 42/GP-NHNN ngày 16/06/2021 của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế trong từng thời kỳ.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, 5, 6 Tòa Thành Công, Ô đất P-D17, Khu đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84.24) 6281 1298
- Website: <https://www.pgbank.com.vn/>

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và văn bản sửa đổi, bổ sung ("Luật Các TCTD năm 2024");
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("Luật Doanh nghiệp năm 2020");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ban hành ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Điều lệ PGBank.

III. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Việc tăng Vốn điều lệ của PGBank là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của PGBank trong quá trình hội nhập kinh tế và đáp ứng các yêu cầu của cơ quan Nhà nước, cụ thể:

1. Đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về nâng cao năng lực tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần, tạo nền tảng để phát triển mạng lưới, mở rộng thị trường và quy mô kinh doanh, đa dạng hóa loại hình dịch vụ, sản phẩm của ngân hàng;
2. Nâng cao năng lực tài chính để đầu tư, nâng cao hệ thống hạ tầng, xây dựng trụ sở, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị ngân hàng và cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới;
3. Đảm bảo tuân thủ, đáp ứng tốt các chỉ tiêu đảm bảo an toàn, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng;
4. Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

IV. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng Vốn điều lệ

1.1. Thông tin vốn điều lệ thời điểm hiện tại:

- Vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại: **5.000.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: **500.000.000** (*Năm trăm triệu*) cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: **500.000.000** (*Năm trăm triệu*) cổ phiếu.

1.2. Thông tin vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2025:

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: **5.000.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: **500.000.000** (*Năm trăm triệu*) cổ phiếu.

1.3. Thông tin vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành tăng vốn năm 2025:

- Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành tăng Vốn: **10.000.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng*).

- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành tăng Vốn: **1.000.000.000 (Một tỷ) cổ phiếu.**
- Tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu dự kiến sau khi hoàn thành tăng Vốn: **10.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn tỷ đồng).**

2. Hình thức tăng vốn

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và
- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

3. Phương án phát hành chi tiết để tăng vốn điều lệ (“Phương án phát hành”)

3.1. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng một cổ phiếu)

Mã chứng khoán : PGB

Số lượng cổ phiếu : Tối đa 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu
phát hành

Tổng giá trị cổ : 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)
phiếu dự kiến phát
hành (theo mệnh
giá)

Đối tượng phát : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của PGBank tại
hành ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được nhận cổ phiếu
 (“Danh sách”).

Thời điểm chốt Danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho
HĐQT quyết định.

Phương thức phát : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phương thức thực hiện quyền.
hành

Tỷ lệ phát hành dự : 10% (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang
kiến lưu hành).

Tỷ lệ thực hiện : 10:1, theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ
quyền dự kiến đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận và cứ 10
quyền nhận sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo
nguyên tắc làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị.

Nguồn phát hành : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính năm
2024 đã được kiểm toán của PGBank sau khi hoàn tất các nghĩa vụ
thuế và trích lập các quỹ theo quy định. Trong đó:

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	Số liệu tại ngày 31/12/2024 theo BCTC kiểm toán độc lập	Giá trị thực hiện tăng vốn điều lệ
1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	645.793.957.806	500.000.000.000
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	41.595.988.682	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	650.000.000	-
4	Quỹ dự phòng tài chính	278.010.129.688	-

- Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Thời gian dự kiến thực hiện phát hành và dự kiến hoàn tất đợt phát hành : Trong năm 2025, 2026.
Thời điểm phát hành cụ thể được Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“SBV”) và Thông báo đã nhận đầy đủ tài liệu thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu của PGBank từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)
- Thời gian phân phối cổ phiếu : Sau khi có được Thông báo đã nhận đầy đủ tài liệu thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu của PGBank từ UBCKNN và trong thời hạn phân phối theo quy định của pháp luật.
- Mục đích phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (phần thập phân phát sinh do làm tròn xuống nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Đăng ký, lưu ký bổ sung và Đăng ký giao dịch bổ sung : Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo

quy định của pháp luật ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

3.2. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu (<i>Mười nghìn đồng một cổ phiếu</i>)
Mã chứng khoán	: PGB
Số lượng cổ phiếu phát hành quyền mua cổ phần	: Tối đa là 450.000.000 (<i>Bốn trăm năm mươi triệu</i>) cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá)	4.500.000.000.000 đồng (<i>Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng</i>)
Giá chào bán	: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
Đối tượng chào bán	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu (“Danh sách”). Thời điểm chốt Danh sách được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định.
Phương thức chào bán	: Phát hành quyền mua cổ phần cho các cổ đông hiện hữu thuộc Đối tượng chào bán.
Tỷ lệ thực hiện quyền	: 10:9 , theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Cứ 10 quyền mua sẽ được mua 9 cổ phiếu mới.
Thời gian dự kiến thực hiện phát hành và dự kiến hoàn tất đợt phát hành	: Dự kiến trong năm 2025, 2026. Thời điểm phát hành cụ thể được Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“SBV”) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”).
Thời gian phân phối cổ phiếu	: Sau khi có được chấp thuận của UBCKNN và trong thời hạn phân phối theo quy định của pháp luật.
Mục đích phát hành	: Cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng.
Chuyển nhượng quyền mua	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Người sở hữu chứng khoán được phân bổ quyền mua do VSDC cung cấp có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác

(một hoặc nhiều người) trong thời gian quy định.

Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. Ví dụ: Vào ngày chốt Danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phiếu, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.

Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ : Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 888 cổ phiếu, sẽ được hưởng 888 quyền mua. Khi đó, số cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông A được mua như sau: $(888 \times 9) / 10 = 799,2$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 799 cổ phiếu.

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng.

Phương án sử dụng vốn : Nguồn vốn thu được từ phát hành cổ phiếu dự kiến sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Ngân hàng theo phương án sử dụng vốn tại Mục V Phương án này.

Phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết : Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phiếu còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác, số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán và tổng số lượng cổ phiếu thực tế cổ đông đã thực hiện quyền mua) sẽ được HĐQT chào bán cho nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác) với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn quy định về tỷ lệ

sở hữu nước ngoài tại Ngân hàng, hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.

DHDCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán, xây dựng tiêu chí và lựa chọn nhà đầu tư khác có nhu cầu mua số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết.

Hội đồng quản trị thông qua tiêu chí cụ thể lựa chọn các Nhà đầu tư khác để chào bán số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị tìm kiếm và lựa chọn các Nhà đầu tư này, cụ thể như sau:

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:

- Các tổ chức, cá nhân trong nước bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu PGBank.
- Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của PGBank.
- Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của PGBank.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (gồm cả thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

Đánh giá mức độ pha : Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất
loãng cổ phần dự kiến hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm:
sau khi phát hành

- (i) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu;
- (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu;
- (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết;
- (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.

Hạn chế chuyển : Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho
nhượng đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế
chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào
bán theo quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1
Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và văn bản sửa đổi,

bổ sung.

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- (i) Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”.
- (ii) Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại PGBank.
Thời gian dự kiến thực hiện phát hành và dự kiến hoàn tất đợt phát hành	: Trong năm 2025, 2026. Thời điểm phát hành cụ thể được Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“SBV”) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”).
Thời gian phân phối cổ phiếu	: Sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và trong thời hạn phân phối theo quy định của pháp luật.
Đăng ký, lưu ký bổ sung và Đăng ký giao dịch bổ sung	: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định của pháp luật ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.
Nghĩa vụ của Cổ đông/ Người nhận chuyển nhượng quyền mua	: - Cổ đông/Người nhận chuyển nhượng quyền mua phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng đang có hiệu lực thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan. - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn

tiền mua cổ phiếu và chịu trách nhiệm cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nguồn tiền mua cổ phiếu theo yêu cầu của PGBank, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có yêu cầu).

- Không sử dụng nguồn vốn do các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để thanh toán tiền mua cổ phiếu tại PGBank.
- Không mua cổ phiếu của PGBank dưới tên của cá nhân, tổ chức khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được uỷ thác theo quy định pháp luật.
- Trường hợp nhận uỷ thác đầu tư cho cá nhân, tổ chức khác, Cổ đông/ Người nhận chuyển nhượng quyền mua phải cung cấp cho PGBank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phiếu mà mình nhận uỷ thác đầu tư tại PGBank. PGBank có quyền đình chỉ tư cách và quyền của cổ đông trong trường hợp phát hiện Cổ đông/Người nhận chuyển nhượng không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của cổ phiếu.
- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng đang có hiệu lực về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan, tuân thủ quy định về cổ đông lớn, và người có liên quan của cổ đông lớn.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật (nếu thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC) và văn bản sửa đổi, bổ sung, chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin này.

4. **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với Vốn điều lệ thời điểm ngày 30/6/2025 và dự kiến sau khi tăng vốn**

Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Phương án này.

5. **Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với Vốn điều lệ thời điểm ngày 30/6/2025 và dự kiến sau khi tăng vốn: Không.**

6. **Thông tin tổng số lượng cổ phần sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi tăng vốn**

a) **Tổng số lượng cổ phần sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại PGBank trước và sau khi tăng vốn:**

- Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/6/2025 do VSDC cung cấp cho PGBank, tổng mức sở hữu cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại PGBank trước khi tăng vốn là: 170.851 cổ phần (tương đương tỷ lệ: 0,03%).
 - Tổng số lượng cổ phần sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại PGBank dự kiến sau khi tăng vốn là 341.702 cổ phần (tương đương tỷ lệ: 0,03%).
- b) Trường hợp xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết theo phương án phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu), trong đó bao gồm cả nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) thì PGBank cũng sẽ đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng.
- c) PGBank cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trước, trong và sau khi phát hành cổ phiếu theo các phương án nêu trên tại PGBank và chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết này. Để bảo đảm việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, theo đó:
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
 - Số cổ phiếu còn lại nếu có phân phối tiếp sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.

7. Công bố thông tin

PGBank thực hiện công bố thông tin theo quy định nội bộ của PGBank, quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ là 4.500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*). Việc sử dụng vốn được thực hiện như sau:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Số tiền sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng dự kiến
Cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng	4.500.000.000.000	2025-2028

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh, cân đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt tăng vốn vào mục đích sử dụng vốn một cách hợp lý, tùy thuộc vào tình hình thực tế đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Ngân hàng, cổ đông và phù hợp quy định pháp luật, quy định tại Phương án này.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích

dự kiến, Ngân hàng có thể sử dụng vốn vay hợp pháp, đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tiệm cận của Ngân hàng, quy định pháp luật có liên quan.

VI. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH KINH DOANH SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

PGBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 – 2028 sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự kiến năm 2025	Dự kiến năm 2026	Dự kiến năm 2027	Dự kiến năm 2028
Tổng Tài sản	91.226	102.077	117.183	137.976
Tổng dư nợ tín dụng	48.653	56.924	68.309	84.020
Tổng Huy động	78.449	87.768	101.162	119.646
Tổng Thu nhập	2.657	3.262	3.992	4.989
Chi phí hoạt động & Dự phòng	1.656	1.956	2.364	2.821
Lợi nhuận trước thuế	1.001	1.306	1.628	2.168
Vốn điều lệ	10.000	10.000	10.000	10.000
Tỷ lệ nợ xấu	Dưới 2%			
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	Đảm bảo các tuân thủ theo quy định của NHNN			

VII. TÍNH KHẢ THI CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Tính khả thi của việc tăng Vốn điều lệ

- Để nâng cao khả năng tài chính, năng lực cạnh tranh của PGBank và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, việc tăng vốn điều lệ là xu hướng tất yếu. Sau khi tăng vốn PGBank sẽ nâng cao được khả năng đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới, phát triển đồng bộ, hiện đại theo kịp với xu thế thời đại, như vậy lợi ích của các cổ đông sẽ được đảm bảo.
- Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn đảm bảo đủ để thực hiện việc tăng vốn điều lệ thêm 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ) đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Với sự phát triển của thị trường chứng khoán như hiện nay và uy tín của PGBank, việc tăng vốn điều lệ thêm 4.500.000.000.000 (Bốn nghìn năm trăm tỷ) đồng thông qua Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán thấp hơn giá thị trường là hoàn toàn khả thi.

2. Về khả năng quản trị, năng lực quản lý, giám sát của PGBank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng Vốn điều lệ

- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm

quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của Ngân hàng.

- Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đều là các thành viên có trình độ, được đào tạo bài bản, tác phong làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức và có tâm huyết cống hiến vì sự phát triển của Ngân hàng.
- Ngoài ra PGBank đã hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, quy trình hướng dẫn cùng bộ phận chức năng và kiểm toán và kiểm soát rủi ro của Ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ. Hệ thống kiểm soát nội bộ của PGBank cơ bản đã đảm bảo đáp ứng quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung và phù hợp với thực tiễn.
- Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp PGBank phát triển hiệu quả và vững chắc.

VIII. LỘ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Để đảm bảo việc thực hiện phân phối cổ phiếu diễn ra thuận lợi, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận/đồng ý/phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lộ trình dự kiến triển khai tăng vốn điều lệ năm 2025 của các phương án phát hành và đảm bảo:

1. Việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu Chào bán cho cổ đông hiện hữu được thực hiện đồng thời với thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu;
2. Thủ tục phát hành và thực hiện phân phối cổ phiếu diễn ra thuận lợi, đúng theo nội dung đăng ký với UBCKNN và quy định của pháp luật liên quan; quyết định các mốc thời gian cụ thể dựa trên tình hình triển khai tăng vốn thực tế và theo yêu cầu của UBCKNN.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục để thực hiện phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ theo các nội dung ủy quyền nêu tại Phương án này và Tờ trình ĐHĐCĐ số 09/2025/TTr-HĐQT ngày 22/07/2025 về điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ của PGBank.

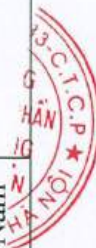
Phụ lục I:

Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn có phần có quyền biểu quyết và so với Vốn điều lệ thời điểm ngày 30/6/2025 và dự kiến sau khi tăng vốn

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ chính	Người đại diện theo pháp luật của tổ chức	Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Quốc tịch	Tại ngày 30/6/2025 ¹		Dự kiến sau khi tăng vốn	
							Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ (%)
1	CTCP Quốc Tế Cường Phát	0106772542	Thôn Kinh Nỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nguyễn Văn Mạnh	001081018229	Việt Nam	11,375%	11,375%	6,256%	6,256%

¹ Số liệu xác định theo Danh sách cổ đông tại thời điểm gần nhất của PGBank nhận được từ VSDC là ngày 30/06/2025.

2	CTCP Thương mại Vũ Anh Đức	080083 9877	Khu dân cư Lĩnh Đông, Phường Phạm Thái, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Nguyễn Văn Đạt	030085002907	Việt Nam	11,225%	11,225%	6,172%	6,172%
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Phát triển Thương mại Gia Linh	010494 8021	Số nhà 103, ngõ 79, đường Cầu Giấy, tổ 7, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Phạm Thị Phương	183600104	Việt Nam	11,003%	11,003%	6,052%	6,052%



Số: 10/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của tổ chức để tổ chức đó thành công ty con, công ty liên kết của PGBank)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung ("Luật Các TCTD năm 2024");
- Căn cứ Thông tư 25/2024/TT-NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024
- Căn cứ tình hình thực tế hoạt động tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển ("PGBank"),

Để thực hiện mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2025 – 2030 của PGBank, thúc đẩy tăng trưởng, mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc PGBank thực hiện đầu tư góp vốn, mua cổ phần. Cụ thể như sau:

1. Cơ sở đề xuất

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD năm 2024 về nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ: Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua việc PGBank thực hiện đầu tư góp vốn, mua cổ phần như sau:

- 2.1. Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua việc PGBank thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết ở trong nước hoạt động trong một/một số các lĩnh vực gồm: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; Bảo hiểm.
- 2.2. Thông tin về Công ty mục tiêu dự định góp vốn, mua cổ phần; Hình thức thực hiện và các nội dung triển khai như sau:



- a) Thông tin về Công ty mục tiêu mà PGBank dự định góp vốn, mua cổ phần (Sau đây gọi tắt là: Công ty Mục tiêu): Giao cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty Mục tiêu đảm bảo các điều kiện chính sau:
- Công ty Mục tiêu là Công ty chứng khoán được cấp phép để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán *như bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán*; hoặc
 - Công ty Mục tiêu là Công ty Quản lý quỹ được cấp phép để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh quản lý quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán; hoặc
 - Công ty Mục tiêu là Công ty Bảo hiểm được cấp phép để thực hiện kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm;
 - Các Công ty Mục tiêu đáp ứng mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật;
 - Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật và quy định hiện hành của PGBank tại thời điểm góp vốn, mua cổ phần.
- b) Hình thức thực hiện: PGBank thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo các quy định pháp luật.
- c) Nguồn tiền góp vốn/mua cổ phần: Từ vốn điều lệ và quỹ dự trữ của PGBank trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.
- d) Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: Toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của Công ty Mục tiêu mà PGBank sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép.
- e) Giá mua: HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.
- f) Giá trị giao dịch, giá trị góp vốn, mua cổ phần dự kiến: Có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc mức khác phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ PGBank đảm bảo Công ty Mục tiêu trở thành công ty con, công ty liên kết của PGBank.

2.3. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT được toàn quyền quyết định, tổ chức thực hiện các công việc cụ thể để PGBank góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết như các nội dung nêu tại mục 2.1, 2.2 Tờ trình này, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của PGBank, quy định pháp luật và yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:

- Quyết định, tổ chức thực hiện, tìm kiếm các Công ty Mục tiêu phù hợp hướng tới việc PGBank tham gia đầu tư góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết.
- Quyết định thời gian thực hiện, xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp thường niên gần nhất.
- Thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và giao HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn Công ty Mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của PGBank, giá và các điều kiện kèm theo, quyết định thực hiện việc chào mua công khai hoặc cách thức khác phù hợp với quy định pháp luật; quyết định cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của Công ty Mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do PGBank ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác

- Quyết định/phê duyệt nội dung Đề án của PGBank về việc góp vốn, mua cổ phần (“Đề án”); Quyết định, sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án góp vốn, mua cổ phần, Đề án, vắn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên bán, bên liên quan khác..;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục hồ sơ, tài liệu để triển khai, thực hiện Phương án góp vốn, mua cổ phần bao gồm nhưng không giới hạn hồ sơ, thủ tục xin chấp thuận phương án góp vốn, mua cổ phần của PGBank theo quy định và các nội dung yêu cầu/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền về việc này;
- Trong quá trình thực hiện, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống PGBank để thực hiện các công việc nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của PGBank.

Nơi nhận:

- TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
THỊNH VƯỢNG
VÀ PHÁT TRIỂN
- Đ. ĐỒNG ĐA - TP. HÀ NỘI

3. C. T. C. P. ★
G. H. N. I.
H. N. I.
P. H. N. I.

Số: 11/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025-2030)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 của NHNN hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ Thông báo số 104/2025/TB-HĐQT ngày 20/05/2025 v/v ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) PGBank nhiệm kỳ 2025-2030;
- Căn cứ kết quả tiếp nhận hồ sơ nhân sự ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030;
- Căn cứ Công văn số 6300/NHNN-QLGS ngày 21/07/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát PGBank nhiệm kỳ 2025-2030,

Theo quy định pháp luật và Điều lệ PGBank, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã thông qua cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT: 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập HĐQT;
- Số lượng thành viên BKS: 05 thành viên.

Để kiện toàn nhân sự thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2025-2030 đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên tuân thủ quy định của pháp luật, HĐQT báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung làm thành viên độc lập HĐQT, BKS PGBank nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

1. Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung làm thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS PGBank nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

(Thông tin trích ngang của nhân sự bầu làm thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS PGBank nhiệm kỳ 2025-2030 được đính kèm tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm tờ trình này)

1.1 Danh sách ứng viên bổ sung làm thành viên độc lập HĐQT PGBank nhiệm kỳ 2025-2030:

STT	Họ và tên ứng viên	Chức danh dự kiến
1	Ông Bùi Vương Anh	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

1.2 Danh sách ứng viên bổ sung làm thành viên BKS PGBank nhiệm kỳ 2025-2030:

STT	Họ và tên ứng viên	Chức danh dự kiến
1	Bà Chu Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

2. Giao HĐQT PGBank chi đạo, thực hiện các thủ tục cần thiết sau khi ĐHĐCĐ hoàn tất việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS PGBank nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cao Thị Thúy Nga

PHỤ LỤC 01:

**THÔNG TIN TRÍCH NGANG CỦA NHÂN SỰ DỰ KIẾN BẦU LÀM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT PGBANK NHIỆM KỲ 2025-2030**

- **Họ và tên: BÙI VƯƠNG ANH**
- Sinh năm 1974
- Trình độ: Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội);
- Quá trình công tác: Có 24 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, thương mại, tài chính, kế toán.
- Chức danh đã đảm nhiệm:
 - + Trưởng Thương vụ, Tham tán Thương mại - Đại sứ quán Việt Nam tại Italia;
 - + Phó Vụ trưởng - Vụ Thị trường Châu Âu - Bộ Công Thương;
 - + Tham tán Thương mại, trưởng Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức
- Chức danh đang đảm nhiệm: Phó Chánh Văn phòng Ban Điều hành Công ty CP Tập đoàn Thành Công,...

116
V H
MAIC
I VL
AT T
A -

PHỤ LỤC 02:

**THÔNG TIN TRÍCH NGANG CỦA NHÂN SỰ DỰ KIẾN BẦU LÀM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT PGBANK NHIỆM KỲ 2025-2030**

- **Họ và tên: CHU THỊ HƯỜNG**
- Sinh năm 1979;
- Trình độ: Cử nhân kinh tế - Đại học Tài chính kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính)
- Quá trình công tác: Có 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Chức vụ đã đảm nhiệm:
 - + Trưởng Kiểm toán nội bộ - ABBank;
 - + Giám đốc Khối QTRR – ABBank;
 - + Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty chứng khoán An Bình (ABS).
- Chức vụ đang đảm nhiệm: Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công.



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN

— ★ ★ ★ —



ĐIỀU LỆ

- 2025 -



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
MỤC I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Định nghĩa.....	1
MỤC II	4
TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG.....	4
Điều 2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết và thời hạn hoạt động của Ngân hàng	4
MỤC III.....	5
MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG	5
Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng	6
Điều 4. Nội dung hoạt động được phép của Ngân hàng	6
Điều 5. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng.....	6
Điều 6. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của Ngân hàng.....	7
Điều 7. Mở tài khoản của Ngân hàng	7
Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của Ngân hàng.....	7
Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng.....	7
Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của Ngân hàng	8
Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng.....	8
Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng	9
Điều 13. Giao dịch điện tử trong hoạt động của Ngân hàng.....	9
Điều 14. Kinh doanh bất động sản.....	9
Điều 15. Tuân thủ quy định, hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động	10
Điều 16. Áp dụng tập quán thương mại trong hoạt động Ngân hàng.....	10
CHƯƠNG II.....	10
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....	10
MỤC I.....	10
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	10
Điều 17. Vốn điều lệ	10
Điều 18. Thay đổi vốn điều lệ	10
MỤC II	11
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	11
Điều 19. Cổ phần	11
Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	12
Điều 21. Cổ phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 23. Chào bán cổ phần, bán cổ phần.....	15
Điều 24. Mua lại cổ phần	15
Điều 25. Thừa kế cổ phần.....	17
Điều 26. Phát hành trái phiếu.....	18



CHƯƠNG III	18
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG	18
MỤC I.....	18
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	18
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý	18
MỤC II	18
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	18
Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông.....	18
Điều 29. Quyền hạn của cổ đông.....	19
Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông.....	21
Điều 31. Cung cấp, công bố công khai thông tin của cổ đông.....	22
Điều 32. Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 34. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 35. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 36. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 37. Chương trình họp, nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 38. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 39. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 42. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	35
Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	37
MỤC III.....	38
ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	38
Điều 44. Nhiệm vụ chung.....	38
Điều 45. Những người không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	38
Điều 46. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	39
Điều 47. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách.....	40
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	41
Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người điều hành Ngân hàng	42
Điều 50. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	42
MỤC IV	42
QUYỀN, NGHĨA VỤ CHUNG CỦA BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG	42
Điều 51. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Ngân hàng.....	43
Điều 52. Cung cấp, công bố công khai thông tin.....	43
Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
MỤC V.....	45
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
Điều 54. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ	45

Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	46
Điều 56. Tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Hội đồng Quản trị.....	48
Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị.....	49
Điều 58. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	50
Điều 59. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	51
Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	53
Điều 61. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	54
Điều 62. Người phụ trách quản trị Ngân hàng	54
MỤC VI	54
TỔNG GIÁM ĐỐC	54
Điều 63. Tổng Giám đốc	54
Điều 64. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc	55
Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	55
Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	56
MỤC VII	57
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT NỘI BỘ	57
Điều 67. Thành phần và nhiệm kỳ.....	57
Điều 68. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát.....	58
Điều 69. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	58
Điều 70. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát	60
Điều 71. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	62
Điều 72. Kiểm toán nội bộ	62
Điều 73. Hệ thống kiểm soát nội bộ	62
MỤC VIII	63
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	63
Điều 74. Người lao động và Công đoàn	63
CHƯƠNG IV	63
MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA NGÂN HÀNG	63
MỤC I.....	63
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA NGÂN HÀNG	63
Điều 75. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng	63
MỤC II	63
QUẢN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	63
Điều 76. Quan hệ giữa Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc.....	63
MỤC III.....	64
QUẢN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT	64
Điều 77. Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong các Công ty con, Công ty liên kết.....	64
Điều 78. Kiểm soát, liên kết, hỗ trợ các Công ty con, Công ty liên kết.....	64
Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	65
Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với công ty con là Công ty trách nhiệm từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần	66
Điều 81. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết.....	66
CHƯƠNG V	66
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH.....	66

MỤC I.....	66
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	66
Điều 82. Trả cổ tức	66
MỤC II	67
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, CÁC QUỸ DỰ TRỮ, KẾ TOÁN VÀ THUẾ.....	67
Điều 83. Chế độ tài chính	67
Điều 84. Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng.....	67
Điều 85. Các quỹ	68
Điều 86. Năm tài chính, hạch toán, kế toán	68
MỤC III.....	68
BÁO CÁO, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	68
Điều 87. Báo cáo.....	68
Điều 88. Công bố và thông báo.....	69
Điều 89. Cung cấp thông tin, bảo mật thông tin	70
Điều 90. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng.....	70
Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng.....	70
MỤC IV	71
KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU	71
Điều 92. Kiểm toán độc lập.....	71
Điều 93. Con dấu	72
CHƯƠNG VI	72
KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN NGÂN HÀNG	72
MỤC I.....	72
KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT	72
Điều 94. Áp dụng kiểm soát đặc biệt, trách nhiệm của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt, các trường hợp được vay đặc biệt.....	72
MỤC II	73
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN NGÂN HÀNG	73
Điều 95. Tổ chức lại ngân hàng	73
Điều 96. Phá sản ngân hàng	73
Điều 97. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động ngân hàng	74
Điều 98. Thanh lý tài sản của ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động	74
CHƯƠNG VII.....	74
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG.....	74
MỤC I.....	74
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	74
Điều 99. Giải quyết tranh chấp nội bộ	74
MỤC II	75
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	75
Điều 100. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	75
CHƯƠNG VIII	75
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	75
Điều 101. Điều khoản chung.....	75

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG TMCP THỊNH VƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN
PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan ban hành trong từng thời kỳ.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua theo Nghị quyết số 05/2025/NĐ-ĐHĐCĐ, ngày 22 tháng 07, năm 2025.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
MỤC I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này trừ trường hợp ngữ cảnh có quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

a. **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

b. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

c. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành trong từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng.

d. **“Luật Các tổ chức tín dụng”** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

đ. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

e. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

g. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông¹.

h. **“Vốn pháp định”** là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập ngân hàng.

i. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Ngân hàng².

k. **“Cổ đông sáng lập”** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Ngân hàng³.

l. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.

m. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác⁴.

n. **“Cổ phần”** là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

o. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng⁵.

p. **“Sổ đăng ký cổ đông”** có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng⁶. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Sau khi cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết, sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng được theo dõi và quản lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

q. **“Người điều hành Ngân hàng”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị quyết định.

r. **“Người quản lý Ngân hàng”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

s. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây⁷:

i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại;

¹ Khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

² Khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

³ Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

⁴ Khoản 5 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

⁵ Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

⁶ Khoản 1 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

⁷ Khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

iv. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại Tiết iv Điểm này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các Tiết i, ii, iii, iv và Tiết v Điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

t. **“Công ty liên kết của Ngân hàng”** là công ty mà Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.

u. **“Công ty con của Ngân hàng”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau⁸:

- Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

- Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

⁸ Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
- Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

v. “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm: Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp ở trong nước; Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.⁹

x. “*NHNN*” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

y. “*Tổ chức*” bao gồm các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội, tổ chức tôn giáo và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được đưa vào nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu không mâu thuẫn với chủ thể và ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC II

TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết và thời hạn hoạt động của Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 42/GP-NHNN ngày 16/06/2021 của Thống đốc NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.

1. Ngân hàng có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát triển**

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Prosperity and Growth Commercial Joint Stock Bank**

Tên viết tắt: **PGBank**

3. Trụ sở chính đặt tại: *Tầng 4, tầng 5, tầng 6 Tòa nhà Thành Công, ô đất P-D17*

⁹ Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Ngân hàng có Điều lệ tổ chức và hoạt động, các cơ quan quản lý và điều hành; có con dấu và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN; có bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động: Thời hạn hoạt động của Ngân hàng theo Giấy phép của NHNN cấp. Trước khi hết thời hạn hoạt động quy định trên giấy phép, Ngân hàng có quyền xin gia hạn thời hạn hoạt động. Việc gia hạn thời hạn hoạt động của Ngân hàng do NHNN xem xét từng lần theo quy định của pháp luật.

6. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị; hoặc

- Tổng Giám đốc trong trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng được ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. NHNN thông báo người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

7. Sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài; được thành lập hoặc mua lại Công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật và của NHNN.

MỤC III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

¹⁰ Thông tin về địa chỉ trụ sở sẽ có hiệu lực từ ngày hiệu lực của Quyết định về việc sửa đổi nội dung địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh Vượng và Phát triển của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng

Mục tiêu của Ngân hàng là:

1. Lợi nhuận;
2. Cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng;
3. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
4. Góp phần xây dựng kinh tế xã hội.

Điều 4. Nội dung hoạt động được phép của Ngân hàng¹¹

1. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp cho Ngân hàng.
2. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 5. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a. Cho vay.
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu.
 - c. Bảo lãnh ngân hàng.
 - d. Phát hành thẻ tín dụng.
 - đ. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp được phép thực hiện thanh toán quốc tế.
 - e. Thư tín dụng.
 - f. Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản;

¹¹ Hiện nay, Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 42/GP-NHNN ngày 16/06/2021 của Thống đốc NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.

dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 6. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của Ngân hàng

1. Ngân hàng được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Ngân hàng được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.

4. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Mở tài khoản của Ngân hàng

1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của Ngân hàng

1. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng

1. Ngân hàng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này.

2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b. Cho thuê tài chính;

c. Bảo hiểm.

3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín

dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b. Lĩnh vực khác không quy định tại Điểm a Khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

5. Ngân hàng thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

6. Ngân hàng thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng (nếu có) được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.

8. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:¹²

a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng;

b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.

Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của Ngân hàng

1. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

a. Ngoại hối;

b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng

1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.

2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

¹² Khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng

1. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:

a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

d. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

d. Kinh doanh vàng;

e. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

b. Phát hành trái phiếu;

c. Lưu ký chứng khoán;

d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

đ. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Giao dịch điện tử trong hoạt động của Ngân hàng

Hoạt động của Ngân hàng được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 14. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng.

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết.

3. Năm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại Khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại Khoản 3 Điều 144 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 15. Tuân thủ quy định, hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định, hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Áp dụng tập quán thương mại trong hoạt động Ngân hàng

Ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại sau đây:

1. Tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế ban hành;
2. Tập quán thương mại khác không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Việt Nam.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

MỤC I

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 17. Vốn điều lệ

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Ngân hàng là **5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ Việt Nam đồng) được chia thành 500.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng**. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được thay đổi trong từng thời kỳ theo quy định của pháp luật và của NHNN về thay đổi mức vốn điều lệ.

2. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định¹³. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán¹⁴.

Điều 18. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện

¹³ Khoản 2 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng;

¹⁴ Khoản 3 Điều 28 Luật Các tổ chức tín dụng.

trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN và cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.

3. Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

b. Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

c. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

d. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng có thể giảm vốn điều lệ theo các phương thức theo quy định của pháp luật.

Việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN và cơ quan có thẩm quyền, Ngân hàng phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ này và công bố nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật¹⁵.

MỤC II

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 19. Cổ phần

1. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng khoán, các quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật.

2. Các loại cổ phần: Toàn bộ cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi (nếu có) có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ

¹⁵ Khoản 4 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Ngân hàng; trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Ngân hàng quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.¹⁶

Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện theo các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau¹⁷.

a. Cổ phần đã bán là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Ngân hàng.

b. Cổ phần được quyền chào bán của Ngân hàng là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.

c. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Ngân hàng¹⁸.

3. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

4. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần

Giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức, cổ đông và người liên quan của cổ đông, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Cổ phiếu và Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng¹⁹.

Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau²⁰:

¹⁶ Khoản 1, Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi là “Điều lệ mẫu Công ty đại chúng”).

¹⁷ Khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

¹⁸ Khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

¹⁹ Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

²⁰ Khoản 1, Khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b. Số Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- g. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;
- h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;
- i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có).

Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

2. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày²¹:

a. Nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Ngân hàng (trường hợp chuyển quyền sở hữu cổ phần); hoặc

b. Cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua (trường hợp Ngân hàng tăng vốn điều lệ).

Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây²²:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Ngân hàng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của

²¹ Điều 66 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

²² Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

chính Ngân hàng mình hoặc công ty con của Ngân hàng.

6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi: mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung này.²³

3. Hội đồng Quản trị quy định về trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với các quy định pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Các hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật có liên quan.

5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

6. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về chứng khoán.

²³ Điểm d Khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 23. Chào bán cổ phần, bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Ngân hàng tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây²⁴:

- a. Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
- b. Chào bán cổ phần ra công chúng;
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.

2. Ngân hàng thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và của NHNN.

3. Việc chào bán cổ phần của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định của NHNN.

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng.²⁵

5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Ngân hàng phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng²⁶.

6. Hội đồng Quản trị Ngân hàng quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ mua cổ phần tại Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

7. Khi Ngân hàng tiến hành niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì việc chào bán cổ phần của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về chứng khoán.

8. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.²⁷

Điều 24. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Ngân hàng²⁸:

a. Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) đã bán theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

b. Việc mua lại cổ phần được thực hiện theo quy định sau đây:

²⁴ Điều 123 Luật Doanh nghiệp.

²⁵ Khoản 4 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

²⁶ Khoản 5 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

²⁷ Điều 126 Luật Doanh nghiệp.

²⁸ Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

(i). Hội đồng Quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

(ii). Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết (iii) Điểm b Khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

(iii). Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Ngân hàng theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức đề bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đề bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông²⁹

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

²⁹ Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.³⁰

b. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu³¹.

c. Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.

d. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Ngân hàng thì tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.³²

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại³³.

Điều 25. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

³⁰ Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

³¹ Khoản 3 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

³² Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

³³ Khoản 4 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Phát hành trái phiếu

Việc chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG

MỤC I

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

MỤC II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông và xác lập danh sách cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức³⁴;
- đ. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong sổ đăng ký

³⁴ Điểm d Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

cổ đông³⁵.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.³⁶

Điều 29. Quyền hạn của cổ đông

1. Quyền của cổ đông phổ thông:

a. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng.

d. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

e. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

g. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản.

h. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.

i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Tùy thuộc vào số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền ứng cử, đề cử phụ thuộc tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông

³⁵ Khoản 3 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

³⁶ Khoản 4 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.

có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ứng cử, đề cử tối đa 09 (chín) ứng cử viên.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

3. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều này thực hiện như sau³⁷:

a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền ứng cử, đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền ứng cử, đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác ứng cử, đề cử.

c. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây³⁸:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng,

³⁷ Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp; Khoản 9 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng.

³⁸ Khoản 2 Điều 115, Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;

b. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Điều lệ này.

6. Cổ đông ưu đãi (nếu có) của Ngân hàng có các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng;

2. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng; trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

4. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;

5. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

6. Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

7. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;



8. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần;

Điều 31. Cung cấp, công bố công khai thông tin của cổ đông³⁹

1. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 52 Điều lệ này;

c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;

d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.

3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các Điểm a, c, d Khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

4. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

5. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

³⁹ Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật: trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Ngân hàng và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau⁴⁰:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

đ. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

3. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây⁴¹:

a. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử vợ, chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Ngân hàng;

c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức⁴²:

⁴⁰ Khoản 3 và Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

⁴¹ Khoản 5 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

⁴² Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Khoản này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

c. Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ;

d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này;

đ. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

e. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;

h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

k. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

l. Thông qua phương án quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng;

m. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng; Quyết định

mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần:

n. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

o. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

p. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng⁴³, thanh lý⁴⁴ tài sản của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định, chuyển nhượng, thanh lý tài sản có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

r. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

s. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

t. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 92 Điều lệ này;

u. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;

Điều 34. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ

⁴³ Điều 14 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (từ ngày 1/8/2025 theo Điều 11 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP).

⁴⁴ Điều 15 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (từ ngày 1/8/2025 theo Điều 12 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP).

chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

3. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
- b. Số thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
- c. Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
- d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông.
- đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng.
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại các Điểm d, đ Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

5. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều 29 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Người triệu tập phải: Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này; các công việc khác phục vụ cuộc họp.⁴⁵

8. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại. Vì mục đích rõ ràng, chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 35. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông⁴⁶. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông⁴⁷.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Ngân hàng phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.⁴⁸

Điều 36. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể

⁴⁵ Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

⁴⁶ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

⁴⁷ Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

⁴⁸ Khoản 3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.

trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 5 Điều này. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền⁴⁹.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây⁵⁰:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

4. Khoản 3 Điều này không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây⁵¹:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

⁴⁹ Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁰ Khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

⁵¹ Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 37. Chương trình họp, nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

a. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.

b. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết.

c. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- Phiếu biểu quyết;

- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.⁵²

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều 29 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

⁵² Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng và Khoản 4 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 3 Điều này;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 38. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông⁵³

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này.

Điều 39. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp và người được ủy quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông và người được ủy quyền dự họp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình hoặc hình thức khác theo quy định của Ngân hàng.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết (phiếu biểu quyết) tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có

⁵³ Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 19 Điều lệ mẫu công ty đại chúng.

ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.⁵⁴

3. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho những người này đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp⁵⁵. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- c. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.⁵⁶

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy

⁵⁴ Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điểm a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu công ty đại chúng.

⁵⁵ Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu công ty đại chúng.

⁵⁶ Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

định tại Khoản 7 Điều này. Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý theo quy định tại Khoản 10 Điều này để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp⁵⁷.

10. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông có thể yêu cầu tất cả người dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp và hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để⁵⁸:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định lựa chọn hình thức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc hình thức họp khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật⁵⁹.

Điều 40. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều

⁵⁷ Khoản 4 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

⁵⁸ Khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

⁵⁹ Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

lệ này⁶⁰.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua. Việc gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website: www.pgbank.com.vn của Ngân hàng và được coi là hình thức thông báo hợp lệ đến các cổ đông.⁶¹

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.⁶²

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điểm a, d, e và s Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi đảm bảo các điều kiện sau đây:

a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b, c và d Khoản này và Khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận⁶³.

b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điểm h và Điểm q Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c. Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng

⁶⁰ Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

⁶¹ Khoản 5 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

⁶² Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

⁶³ Điểm b Khoản 4 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng.

của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc quy định tại Điều lệ này.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc công bố thông tin về biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website: www.pgbank.com.vn của Ngân hàng được coi là hình thức gửi hợp lệ đến các cổ đông. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website: www.pgbank.com.vn của Ngân hàng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây⁶⁴:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

⁶⁴ Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng⁶⁵. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng phải gửi đến NHNN tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 42. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này và Khoản 4 Điều 40 Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận:

b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điểm h và Điểm q Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.⁶⁶

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này.

b. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.⁶⁷

⁶⁵ Khoản 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁶ Điểm c Khoản 4 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁶⁷ Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:⁶⁸

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

(v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

d. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:⁶⁹

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

đ. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

(iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

⁶⁸ Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

⁶⁹ Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

(iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(v) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.⁷⁰

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

h. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, Ngân hàng phải gửi đến NHNN tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 5 Điều 29 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này.⁷¹

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.⁷²

⁷⁰ Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

⁷¹ Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

⁷² Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

MỤC III

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 44. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện chức năng giám sát của quản lý cấp cao theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Những người không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc⁷³

Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng:

1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

5. Cán bộ, công chức, viên chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;

6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ

⁷³ Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng:

7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

9. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

10. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;

11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng⁷⁴;

12. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ⁷⁵

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;

b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân

⁷⁴ Điểm g Khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁷⁵ Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

4. Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

a. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.

Điều 47. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách⁷⁶

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 45 của Điều lệ này;

b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

⁷⁶ Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng.

đ. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;

e. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;

g. Chết.

2. Hội đồng Quản trị Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các Điều a, b, c, d, e và g Khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm⁷⁷

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;

b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 41 và Khoản 3 Điều 43 của Luật Các tổ chức tín dụng;

đ. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ngoài trường hợp quy định tại khoản này;

e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm,

⁷⁷ Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng.

bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng Quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 49. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người điều hành Ngân hàng⁷⁸

1. NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Người điều hành Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 43, Khoản 10 Điều 48 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Người điều hành Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 50. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

3. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

MỤC IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ CHUNG CỦA BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI QUẢN LÝ,

⁷⁸ Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 51. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Ngân hàng⁷⁹

1. Tuân thủ pháp luật. Điều lệ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.
2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.
9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.
10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 52. Cung cấp, công bố công khai thông tin⁸⁰

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương khác do Hội đồng quản trị quyết định phải

⁷⁹ Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁸⁰ Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng.

cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các Điểm a, b, d Khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 53. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường⁸¹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Ngân hàng bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Ngân hàng là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám

⁸¹ Điều 48 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

độc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Ngân hàng ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Ngân hàng, hành động trung thực, cân trọng vì lợi ích của Ngân hàng trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí được bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép Ngân hàng có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 54. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật và Điểm d Khoản 6 Điều 40 Điều lệ này. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết.

2. Hội đồng Quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu năm (05) thành viên và không quá mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá hai (02) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

5. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

6. Trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, các thành viên khác của Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và Điều lệ này.

8. Việc thay thế Chủ tịch, các thành viên khác của Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.

9. Cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) được tham gia hoặc cử người đại diện tham gia Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của hai (02) Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN.

11. Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của Ngân hàng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ này.

3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.

5. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng⁸², thanh lý⁸³ tài sản của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định, chuyển nhượng, thanh lý tài sản có giá trị từ 10% vốn điều lệ

⁸² Điều 14 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (từ ngày 1/8/2025 theo Điều 11 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP).

⁸³ Điều 15 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (từ ngày 1/8/2025 theo Điều 12 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP).

trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định, chuyển nhượng, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Phê duyệt/Ban hành quy chế tài chính của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật về chế độ tài chính.

13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

17. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được phê duyệt.

18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

22. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

23. Khi Ngân hàng bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường, Hội đồng Quản trị quyết định mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.⁸⁴

24. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

25. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 45 Điều lệ này;

b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

c. Có trình độ từ đại học trở lên;

d. Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất ba (03) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất năm (05) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong ba (03) năm liền kề trước đó;

b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng;

c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.

d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên

⁸⁴ Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (từ ngày 1/8/2025 theo Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP).

quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

đ. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong năm (05) năm liền kế trước đó.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

đ. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Bảo đảm thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Quản trị.

i. Giám sát thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.

k. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

m. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

n. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều này (trừ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này).

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn

bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.

c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.

d. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ này, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.

Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

đ. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các Khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 55 của Điều lệ này.

e. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

g. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

h. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 58. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng: một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí ăn, ở, đi lại và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Ủy ban của

Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập bất kỳ khi nào nếu xét thấy cần thiết nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

2. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
- b. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- c. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; trong trường hợp này người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quyết định.

5. Thông báo và chương trình họp:

a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành



viên Hội đồng Quản trị.

b. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.⁸⁵

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

7. Biểu quyết:

a. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.⁸⁶ Việc ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết phải tuân thủ quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 57 Điều lệ này.

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng hình thức gửi trực tiếp.

8. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tọa cuộc họp.

⁸⁵ Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

⁸⁶ Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.

9. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 60. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây⁸⁷:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

⁸⁷ Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 61. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 62. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị tại Ngân hàng. Tiêu chuẩn, điều kiện của Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC VI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 63. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình⁸⁸.

2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm⁸⁹. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí

⁸⁸ Khoản 2 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁸⁹ Khoản 1 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.

kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm. Hội đồng Quản trị quy định thời hạn từng nhiệm kỳ cụ thể. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và Điều lệ này.

4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

5. Kế Toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc

1. Sau khi Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều lệ này mà chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động ngân hàng để đảm bảo Ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật. NHNN.

Người được cử điều hành Ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

2. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc mới và thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc mới thực hiện theo quy định của pháp luật, của thống đốc NHNN và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc bắt đầu thực hiện nhiệm vụ khi Hội đồng Quản trị có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Trình tự, thủ tục và các vấn đề khác liên quan đến việc tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật, của thống đốc NHNN và Điều lệ này.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc⁹⁰

1. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a. Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 56 Điều lệ

⁹⁰ Khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

này;

b. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất năm (05) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất năm (05) năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất mười (10 năm) làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

đ. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 45 Điều lệ này.

b. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 66. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có quyền, nghĩa vụ như sau:

a. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

b. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.

c. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

d. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

đ. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.

e. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.

g. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội

đồng Quản trị.

h. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

i. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường.

k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị:

1. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.

m. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.

n. Tuyển dụng lao động: quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

o. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết (trừ trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng).

p. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

2. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật. Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng và quyết định của Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng.

MỤC VII

BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 67. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định của pháp luật. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết. Thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

2. Ban Kiểm soát có tối thiểu là năm (05) thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa

kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên khác của Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo quy định pháp luật trong từng thời kỳ và Điều lệ này.

7. Việc thay thế Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát phải được thực hiện theo Điều lệ này, quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của PGBank ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 68. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát

1. Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 56 Điều lệ này;

2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

3. Có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;

5. Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 69. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu

năm và hằng năm của Ngân hàng: báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính: đánh giá tình hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

10. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

11. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

12. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

13. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng.

14. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.

15. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 70. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:

a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định của Điều 69 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

c. Thay mặt Ban Kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

d. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường quy định tại Điều 34 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường.

đ. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

e. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát.

h. Đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

k. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

1. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều này (trừ các Điểm c, f Khoản 2 Điều này).

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền

hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cân trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;

c. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.

d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục;

đ. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng;

e. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

f. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;

g. Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

h. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;

- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Ngân hàng làm việc.

c. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 71. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến cuộc họp của Ban Kiểm soát, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành trong từng thời kỳ.v

Điều 72. Kiểm toán nội bộ

1. Ngân hàng thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

Điều 73. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, hướng dẫn của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.

2. Ngân hàng thực hiện xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động: bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

c. Tuân thủ pháp luật và các quy chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.

3. NHNN có quyền yêu cầu Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.

4. Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc NHNN.

MỤC VIII

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 74. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành và người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành.⁹¹

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA NGÂN HÀNG

MỤC I

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA NGÂN HÀNG

Điều 75. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng

Ngân hàng thành lập các Đơn vị trực thuộc ở trong nước và nước ngoài, thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

MỤC II

QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 76. Quan hệ giữa Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, thực hiện hoạt động kinh

⁹¹ Điều 50 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Ngân hàng và được cụ thể hóa tại quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Ngân hàng chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

MỤC III

QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 77. Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong các Công ty con, Công ty liên kết

1. Ngân hàng giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trực tiếp thay mặt Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Ngân hàng tại các Công ty con, Công ty liên kết trong phạm vi Điều lệ của các Công ty con. Công ty liên kết này cho phép.

2. Ngân hàng quyết định mức đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành và tại từng thời điểm cử người đại diện cụ thể.

4. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của Công ty con, Công ty liên kết, Ngân hàng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên góp vốn, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này.

Điều 78. Kiểm soát, liên kết, hỗ trợ các Công ty con, Công ty liên kết

1. Khi Ngân hàng là Công ty kiểm soát, quyền kiểm soát của Ngân hàng đối với Công ty con, Công ty liên kết sẽ được quy định trong Điều lệ, quy chế tài chính và các quy chế, quy định khác của Công ty con, Công ty liên kết phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định khác của pháp luật có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động;
- b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh;
- c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;
- d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty con, Công ty liên kết;

đ. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty con. Công ty liên kết:

e. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Công ty con. Công ty liên kết, liên kết với các Công ty con. Công ty liên kết khác hoặc với chính Ngân hàng để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật:

g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Ngân hàng đầu tư vào các Công ty con. Công ty liên kết:

h. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty con. Công ty liên kết và quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho các Công ty con. Công ty liên kết bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Công ty con. Công ty liên kết và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các Công ty con. Công ty liên kết. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại giữa các Công ty con. Công ty liên kết được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty con. Công ty liên kết. Ngân hàng không can thiệp vào tổ chức và hoạt động của Công ty con. Công ty liên kết ngoài các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông.

4. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 78 Điều lệ này:

1. Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty.

3. Ngân hàng phân cấp cho Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:

a. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

b. Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

4. Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với công ty con là Công ty trách nhiệm từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 78 Điều lệ này:

1. Ngân hàng thực hiện quyền của cổ đông, bên góp vốn thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Được hưởng các quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 81. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết

Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ đối với các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

MỤC I

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 82. Trả cổ tức

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ phần phổ thông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức, Ngân hàng vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp

lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

2. Ngân hàng không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm về các về khoản tiền Ngân hàng đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

5. Các vấn đề khác liên quan đến trả cổ tức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC II

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, CÁC QUỸ DỰ TRÙ, KẾ TOÁN VÀ THUẾ

Điều 83. Chế độ tài chính⁹²

1. Ngân hàng tự chủ về tài chính.

2. Chế độ tài chính của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chi tiết về chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 84. Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng⁹³

1. Vốn của Ngân hàng bao gồm: Vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức

⁹² Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹³ Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.

tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, đảm bảo tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của Ngân hàng.

Điều 85. Các quỹ

1. Hàng năm, Ngân hàng thực hiện trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng.

b. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

c. Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, quy chế nội bộ của Ngân hàng.

Điều 86. Năm tài chính, hạch toán, kế toán

1. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

2. Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

3. Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch.

MỤC III

BÁO CÁO, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 87. Báo cáo

1. Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.

2. Ngân hàng phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN.

3. Ngoài báo cáo theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho NHNN trong các trường hợp sau đây:⁹⁴

a. Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh

⁹⁴ Khoản 3 Điều 152 Luật Các tổ chức tín dụng.

hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng.

b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng: mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn.

c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng: tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

4. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động cho NHNN khi được yêu cầu.

5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải gửi báo cáo hằng năm cho NHNN theo quy định của pháp luật.

6. Ngân hàng lập báo cáo tài chính sáu (06) tháng và hàng quý và nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Khi Ngân hàng là công ty kiểm soát (có công ty con, công ty liên kết) thì:⁹⁵

a. Trong thời hạn một trăm hai mươi (120) ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Ngân hàng phải lập và gửi cho NHNN báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

b. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lập và gửi cho NHNN báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán, giao dịch khác giữa Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

Điều 88. Công bố và thông báo

1. Các báo cáo tài chính hằng năm và tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho NHNN, Cơ quan thuế cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác trong thời hạn do pháp luật quy định.

2. Trong thời hạn một trăm hai mươi (120) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt.

3. Ngân hàng thực hiện việc công bố thông tin bất thường, định kỳ, theo yêu cầu theo quy định của pháp luật, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Ngân hàng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng⁹⁶, tỷ giá, thời gian giao dịch và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

⁹⁵ Điều 153 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁶ Khoản 1 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 89. Cung cấp thông tin, bảo mật thông tin⁹⁷

1. Ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. Ngân hàng và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được trao đổi với nhau thông tin về hoạt động của Ngân hàng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Khi thực hiện giao dịch với Ngân hàng, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.
5. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng mà mình biết.
6. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của Ngân hàng theo quy định của Chính phủ.
7. Ngân hàng không được cung cấp thông tin khách hàng của Ngân hàng cho cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 90. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông, nhóm cổ đông có quyền điều tra sổ sách, hồ sơ theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Điều lệ Ngân hàng được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng

1. Ngân hàng phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này:
 - a. Điều lệ Ngân hàng và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng; quy chế

⁹⁷ Điều 12, Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng.

quản lý nội bộ của Ngân hàng: sổ đăng ký cổ đông;

b. Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c. Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng;

d. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát; các quyết định của Ngân hàng;

đ. Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;

e. Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g. Báo cáo tài chính hằng năm, sổ kế toán, chứng từ kế toán;

h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

MỤC IV

KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU

Điều 92. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn⁹⁸.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng⁹⁹.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng¹⁰⁰.

5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy

⁹⁸ Khoản 2 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.

⁹⁹ Khoản 2 Điều 57 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng.

¹⁰⁰ Khoản 3 Điều 57 Điều lệ mẫu Công ty đại chúng

định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

Điều 93. Con dấu¹⁰¹

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Ngân hàng. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng quy định tại Khoản 3 Điều này và theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu. Tổng Giám đốc có thẩm quyền ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn quản lý và sử dụng con dấu phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

MỤC I

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 94. Áp dụng kiểm soát đặc biệt, trách nhiệm của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt, các trường hợp được vay đặc biệt

1. Ngân hàng có thể bị NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:

a. Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;

b. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;

c. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;

d. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống Ngân hàng;

đ. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục;

e. Ngân hàng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

2. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng

¹⁰¹ Điều 58 Điều lệ mẫu Công ty Đại chúng.

cổ phần: không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, dư nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng tại NHNN được chuyển thành dư nợ gốc, lãi của khoản vay đặc biệt và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay tái cấp vốn của các khoản vay tái cấp vốn này.

4. Ngân hàng được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 192 của Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt:

- a. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt.
- b. Thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:
- c. Thực hiện quyết định, yêu cầu của NHNN quy định tại Điều 163 của Luật Các tổ chức tín dụng.
- d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 164 của Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng có trách nhiệm sau đây khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt:

- a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 5 Điều này.
- b. Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.
- c. Hội đồng quản trị của Ngân hàng quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông qua phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

MỤC II

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

Điều 95. Tổ chức lại ngân hàng

1. Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại Ngân hàng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 96. Phá sản ngân hàng

Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả



năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 97. Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động ngân hàng

1. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.

2. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.

3. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

4. Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 98. Thanh lý tài sản của ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 97 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định.

2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng bị giải thể, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục X Chương X và Điều 203 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.

3. Khi Ngân hàng bị thanh lý tài sản, Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG VII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG

MỤC I

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 99. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Ngân hàng, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông và Ngân hàng; hoặc

b. Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu

cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi một (21) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được khi hòa giải thì trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án/Trọng tài được thực hiện theo phán quyết của Tòa án/Trọng tài.

MỤC II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 100. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng Quản trị, họp Ban Kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng nhất trí thông qua ngày 22 tháng 07 năm 2025.

3. Khoản 3 Điều 2 Điều lệ này có hiệu lực từ ngày hiệu lực của Quyết định về việc sửa đổi nội dung địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của PGBank của Ngân hàng Nhà nước, thay thế cho Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 20 tháng 04 năm 2024; Khoản 1 Điều 17 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 06

năm 2025 thay thế cho Khoản 1 Điều 17 Điều lệ Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 20 tháng 04 năm 2024; các nội dung còn lại của Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 07 năm 2025 thay thế cho các nội dung tương ứng của Điều lệ Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 20 tháng 04 năm 2024. Ngân hàng triển khai áp dụng các quy định mới của Điều lệ này ngay sau khi Điều lệ này có hiệu lực phù hợp với quy định về hiệu lực thi hành, phù hợp quy định chuyển tiếp tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Điều lệ này gồm 08 chương, 101 điều, được lập thành mười lăm (15) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Điều lệ này được gửi tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, của NHNN và được lưu giữ tại Ngân hàng.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Ngân hàng phù hợp với quy định pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Cao Thị Thúy Nga

